

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG BÌNH HƯNG HÒA

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – 2016

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG BÌNH HƯNG HÒA

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
01.	Nguyễn Thị Xuân Hương	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
02.	Nguyễn Xuân Minh	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch	
03.	Trần Ngọc Vỹ	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch	
04.	Nguyễn Duy Bình	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch	
05.	Nguyễn Hải Đăng	Thư ký hội đồng	Thư ký	
06.	Nguyễn Chí Thanh	Giáo viên tin học	Ủy viên	
07.	Nguyễn Thị Thanh Hương	Chủ tịch công đoàn	Ủy viên	
08.	Nguyễn Văn Dũng	Tổ trưởng tổ Toán	Ủy Viên	
09.	Phan Thế Hoài	Tổ trưởng tổ Văn	Ủy viên	
10.	Lý Nguyễn Ngọc Lan	Tổ trưởng tổ Anh	Ủy viên	
11.	Phạm Lan Anh	Trợ lý thanh niên	Ủy viên	
12.	Mai Xuân Cường	Tổ trưởng Văn phòng	Ủy viên	
13.	Nguyễn Duy Phi	Nhân viên thống kê	Ủy viên	
14.	Nguyễn Thị Mỹ Bình	Nhân viên văn thư	Ủy viên	
15.	Phạm Thị Minh Châu	Nhân viên kế toán	Ủy viên	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	7
I. ĐẶT VẤN ĐỀ	7
II. TỰ ĐÁNH GIÁ	9
1. Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	9
1.1. Tiêu chí 1: Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi là Điều lệ trường trung học) và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	10
1.2. Tiêu chí 2: Lớp học, số học sinh, điểm trường theo quy định của Điều lệ trường tiểu học (nếu trường có cấp tiểu học) và Điều lệ trường trung học.	11
1.3. Tiêu chí 3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, các tổ chức xã hội khác và các hội đồng hoạt động theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định của pháp luật.	12
1.4. Tiêu chí 4: Cơ cấu tổ chức và việc thực hiện nhiệm vụ của các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng (tổ Giáo vụ và Quản lý học sinh, tổ Quản trị Đời sống, các bộ phận khác đối với trường chuyên biệt) theo quy định tại Điều lệ trường trung học.	14
1.5. Tiêu chí 5: Xây dựng chiến lược phát triển nhà trường.	16
1.6. Tiêu chí 6: Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của địa phương và sự lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục các cấp; đảm bảo Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường.	18
1.7. Tiêu chí 7: Quản lý hành chính, thực hiện các phong trào thi đua.	19
1.8. Tiêu chí 8: Quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh.	20
1.9. Tiêu chí 9: Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường.	22
1.10. Tiêu chí 10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch	23

bệnh, phòng chống các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường.	
2. Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	25
2.1. Tiêu chí 1: Năng lực của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng trong quá trình triển khai các hoạt động giáo dục.	25
2.2. Tiêu chí 2: Số lượng, trình độ đào tạo của giáo viên theo quy định của Điều lệ trường tiểu học (nếu trường có cấp tiểu học), Điều lệ trường trung học.	27
2.3. Tiêu chí 3: Kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên và việc đảm bảo các quyền của giáo viên.	28
2.4. Tiêu chí 4: Số lượng, chất lượng và việc đảm bảo các chế độ, chính sách đối với đội ngũ nhân viên của nhà trường.	29
2.5. Tiêu chí 5: Học sinh của nhà trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường tiểu học (nếu trường có cấp tiểu học), Điều lệ trường trung học và của pháp luật.	30
3. Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học	33
3.1. Tiêu chí 1: Khuôn viên, cổng trường, biển trường, tường hoặc hàng rào bảo vệ, sân chơi, bãi tập theo quy định của Điều lệ trường trung học.	33
3.2. Tiêu chí 2: Phòng học, bảng, bàn ghế cho giáo viên, học sinh.	34
3.3. Tiêu chí 3: Khối phòng, trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lý, dạy và học theo quy định của Điều lệ trường trung học.	35
3.4. Tiêu chí 4: Công trình vệ sinh, nhà để xe, hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom rác đáp ứng yêu cầu của hoạt động của giáo dục.	36
3.5. Tiêu chí 5: Thư viện đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.	37
3.6. Tiêu chí 6: Thiết bị dạy học, đồ dùng dạy học và hiệu quả sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học.	39
4. Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	40
4.1. Tiêu chí 1: Tổ chức và hiệu quả hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.	41
4.2. Tiêu chí 2: Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương để huy động nguồn lực xây dựng nhà trường và môi trường giáo dục.	42
4.3. Tiêu chí 3: Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể của địa phương, huy động sự tham gia của cộng đồng để giáo dục truyền thống lịch sử,	43

văn hóa dân tộc cho học sinh và thực hiện mục tiêu, kế hoạch giáo dục.	
5. Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	45
5.1. Tiêu chí 1: Thực hiện chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục địa phương.	45
5.2. Tiêu chí 2: Đổi mới phương pháp dạy học nhằm khuyến khích sự chuyên cần, tích cực, chủ động, sáng tạo và ý thức vươn lên, rèn luyện khả năng tự học của học sinh.	47
5.3. Tiêu chí 3: Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục của địa phương.	48
5.4. Tiêu chí 4: Thực hiện hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu, kém theo kế hoạch của nhà trường và theo quy định của các cấp quản lý giáo dục.	49
5.5. Tiêu chí 5: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	50
5.6. Tiêu chí 6: Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, khuyến khích sự tham gia chủ động, tự giác của học sinh.	51
5.7. Tiêu chí 7: Giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống thông qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh.	52
5.8. Tiêu chí 8: Học sinh tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường lớp học, nhà trường.	54
5.9. Tiêu chí 9: Kết quả xếp loại học lực của học sinh hằng năm đáp ứng mục tiêu giáo dục.	55
5.10. Tiêu chí 10: Kết quả xếp loại hạnh kiểm của học sinh hằng năm đáp ứng mục tiêu giáo dục.	56
5.11. Tiêu chí 11: Kết quả hoạt động giáo dục nghề phổ thông và hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh hằng năm.	57
5.12. Tiêu chí 12: Hiệu quả hoạt động giáo dục hằng năm của nhà trường.	59
III. KẾT LUẬN CHUNG	61
Phần III. PHỤ LỤC	62

BẢNG TỔNG HỢP
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường					
Tiêu chí	Đạt	Không đạt	Tiêu chí	Đạt	Không đạt
1	X		6	X	
2	X		7	X	
3	X		8	X	
4	X		9	X	
5	X		10	X	
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh					
Tiêu chí	Đạt	Không đạt	Tiêu chí	Đạt	Không đạt
1	X		4	X	
2	X		5	X	
3	X				
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học					
Tiêu chí	Đạt	Không đạt	Tiêu chí	Đạt	Không đạt
1	X		4	X	
2	X		5	X	
3	X		6	X	
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội					
Tiêu chí	Đạt	Không đạt	Tiêu chí	Đạt	Không đạt
1	X		3	X	
2	X				
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục					
Tiêu chí	Đạt	Không đạt	Tiêu chí	Đạt	Không đạt
1	X		7	X	
2	X		8	X	
3		X	9	X	
4	X		10	X	
5		X	11	X	
6	X		12	X	

Tổng số các chỉ số đạt: 106/108
 Tổng số các tiêu chí đạt: 34/36

Tỷ lệ: 98,15%
 Tỷ lệ: 94,4%

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

- Tên trường: Trung học phổ thông Bình Hưng Hòa.
- Tên trước đây:
- Cơ quan chủ quản: Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

Tỉnh/thành phố	Hồ Chí Minh	Họ và tên hiệu trưởng (giám đốc)	Nguyễn Thị Xuân Hương
Huyện/quận/thị xã/thành phố	Bình Tân	Điện thoại	(08)38.62.69.09.12
Xã/phường/thị trấn	Bình Hưng Hòa	FAX	
Đạt chuẩn quốc gia	0	Website	http://thptbinhhunghoa.hcm.edu.vn
Năm thành lập	2011	Số điểm trường	1
Công lập	x	Có học sinh khuyết tật	x
Tư thực	0	Có học sinh bán trú	0
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	0	Có học sinh nội trú	0
Trường liên kết với nước ngoài	0	Loại hình khác	0
Trường phổ thông dân tộc nội trú	0		

1. Số lớp

Số lớp	Năm học 2011-2012	Năm học 2012-2013	Năm học 2013-2014	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016
Khối lớp 10	04	08	13	16	17
Khối lớp 11	0	03	07	10	15
Khối lớp 12	0	0	03	06	09
Cộng	04	11	23	32	41

2. Số phòng học

	Năm học 2011-2012	Năm học 2012-2013	Năm học 2013-2014	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016
Tổng số	45	45	45	45	45
Phòng học kiên cố	45	45	45	45	45
Phòng học bán kiên cố	0	0	0	0	0
Phòng học tạm	0	0	0	0	0
Cộng	45	45	45	45	45

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 11 năm 2016

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				<i>Đạt chuẩn</i>	<i>Trên chuẩn</i>	<i>Chưa đạt chuẩn</i>	
Hiệu trưởng	1	1	0	1	0	0	
Phó hiệu trưởng	3	0	0	1	2	0	
Giáo viên	86	58	01	65	22	0	
Nhân viên	20	11	0	20	0	0	
Cộng	110	70	01	87	24	0	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

	Năm học 2011-2012	Năm học 2012-2013	Năm học 2013-2014	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016
Tổng số giáo viên	23	23	41	58	78
Tỷ lệ giáo viên/lớp	5,75	2,09	1,78	1,81	1,90
Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0,188	0,059	0,050	0,047	0,049
Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện và tương đương	0	06	14	11	14
Tổng số số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	0	0	01	0	0

4. Học sinh

	Năm học 2011-2012	Năm học 2012-2013	Năm học 2013-2014	Năm học 2014-2015	Năm học 2015-2016
Tổng số	122	389	799	1231	1581
- Khối lớp 10	122	273	459	650	642
- Khối lớp 11	0	116	247	346	636
- Khối lớp 12	0	0	93	235	303
Nữ	42	165	337	553	692
Dân tộc	0	0	67	38	55
Đối tượng chính sách	06	24	32	76	57
Khuyết tật	0	01	01	03	05
Tuyển mới	122	273	459	650	642
Lưu ban	15	11	18	22	23
Bỏ học	09	07	15	13	09
Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0
Bán trú	0	0	0	0	0
Nội trú	0	0	0	0	0
Tỷ lệ bình quân học sinh /lớp	30,5	35,36	34,73	38,46	38,56
Tỷ lệ đi học đúng độ tuổi	100%	100%	100%	100%	100%
- Nữ	34,42%	42,41%	42,17%	44,96%	43,74%
- Dân tộc	0	0	8,39%	3,08%	3,48%
Tổng số học sinh tốt nghiệp	0	0	93	210	281
- Nữ	0	0	41	96	147
- Dân tộc	0	0	02	09	34
Tổng số học sinh giỏi cấp thành phố	0	0	02	13	13
Tổng số học sinh giỏi quốc gia	0	0	0	0	0
Tỷ lệ thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng	0	0	38,2	46,86	50,11

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1/ Tình hình chung của trường Trung học phổ thông Bình Hưng Hòa:

Trường Trung học phổ thông Bình Hưng Hòa được thành lập theo Quyết định số 3725/QĐ-UB ngày 04 tháng 8 năm 2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ

Chí Minh. Trường tọa lạc tại số 79/19, Đường số 4, Khu phố 7, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân. Vị trí nhà trường nằm trong khu dân cư yên tĩnh, cảnh quan tổng thể xây dựng hài hòa, khang trang. Sau 05 năm hoạt động, nhà trường đã có những bước trưởng thành, phát triển đáng ghi nhận và trân trọng.

Mục tiêu của Trường Trung học phổ thông Bình Hưng Hòa là đào tạo học sinh có trình độ văn hóa trung học phổ thông nhằm thực hiện nhiệm vụ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho thành phố; xây dựng mô hình nhà trường giáo dục toàn diện, phát triển bền vững, hiện đại về cơ sở vật chất, vững mạnh về chất lượng chuyên môn, năng động và sáng tạo trong quản lý, điều hành; nề nếp hoạt động hành chính chuyên nghiệp; đội ngũ cán bộ - giáo viên – nhân viên có chuyên môn sâu, chủ động, tích cực, đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới theo định hướng chung của toàn ngành.

Nhà trường thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông;

- Nghiên cứu vận dụng phù hợp, hiệu quả các phương pháp quản lý, dạy học, kiểm tra đánh giá tiên tiến; tổ chức hiệu quả các hoạt động giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống và kỹ năng hoạt động xã hội của học sinh; tạo điều kiện cho học sinh học tập, sáng tạo, vận dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề nảy sinh trong học tập, giao tiếp;

- Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, sử dụng thành thạo thiết bị dạy học hiện đại, có khả năng nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng;

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, tin học cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên để đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của nhà trường;

- Xây dựng kế hoạch phát triển và tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường;

- Xây dựng, quản lý và sử dụng hiệu quả hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc quản lý, giáo dục và đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của nhà trường.

2/ Mục đích tự đánh giá

Mục đích thực hiện công tác tự đánh giá của nhà trường là nhằm nhìn nhận hiện trạng giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2016; từ đó xác định điểm mạnh, điểm yếu và có kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục; làm cơ sở để điều chỉnh Kế hoạch chiến

lược phát triển nhà trường giai đoạn 2016 – 2020; đồng thời để Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh đánh giá và công nhận nhà trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

3/ Quá trình tự đánh giá

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá (Tháng 9/2016);
- Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá (Tháng 9/2016);
- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá (Tháng 9/2016);
- Thu thập, xử lý và phân tích các thông tin, minh chứng (Tháng 10, 11/2016);
- Đánh giá mức độ đạt được theo từng tiêu chí (tháng 12/2016);
- Viết báo cáo tự đánh giá (tháng 12/2016);
- Công bố báo cáo tự đánh giá (tháng 01/2017).

4/ Những vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá

Báo cáo tự đánh giá sử dụng Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên – theo Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT ngày 23/11/2012 và Công văn số 2210/BGD&ĐT-KTKĐCLGD ngày 12/5/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Phương pháp chủ yếu là thu thập thông tin minh chứng; xử lý, phân tích các minh chứng thu được; rà soát các hoạt động liên quan đến từng tiêu chí; phân tích các điểm mạnh, điểm yếu của từng hoạt động; chú trọng đề xuất các giải pháp phù hợp, hiệu quả và khả thi để cải tiến chất lượng.

II. TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu

Tổ chức và quản lý tốt nhà trường là một trong những điều kiện quan trọng để nhà trường phát triển. Trường Trung học phổ thông Bình Hưng Hòa đã xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định tại “Điều lệ trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học” ban hành kèm theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm: Hội đồng trường, Chi bộ Đảng, Công đoàn cơ sở, Chi đoàn giáo viên, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và một số tổ chức xã hội khác. Các tổ chức này hoạt động theo những quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác của pháp luật.

1.1. Tiêu chí 1. Cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (sau đây gọi là Điều lệ trường trung học) và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

a) Có hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và các hội đồng (hội đồng trường đối với trường công lập, hội đồng quản trị đối với trường tư thục, hội đồng thi đua và khen thưởng, hội đồng kỷ luật, các hội đồng tư vấn khác);

b) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác;

c) Có các tổ chuyên môn và tổ văn phòng (tổ giáo vụ và quản lý học sinh, tổ quản trị đời sống và các bộ phận khác đối với trường chuyên biệt).

1.1.1. Mô tả hiện trạng:

Trường Trung học phổ thông Bình Hưng Hòa có 01 Hiệu trưởng và 03 Phó hiệu trưởng. Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng được bổ nhiệm theo đúng Điều lệ trường trung học [H1-1-01-01].

Hội đồng trường được thành lập và hoạt động đúng theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường trung học. Thành viên Hội đồng trường có 09 người gồm: Đại diện tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, lãnh đạo nhà trường, đại diện tổ chức Công đoàn, đại diện giáo viên. Hội đồng trường do Hiệu trưởng làm chủ tịch và có nhiệm kỳ 05 năm [H1-1-01-02]. Khi có biến động về nhân sự, chủ tịch Hội đồng trường trình Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ra quyết định bổ sung, kiện toàn [H1-1-01-03].

Hội đồng khoa học nhà trường do Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ký quyết định thành lập vào đầu mỗi năm học; có cơ cấu tổ chức và thực hiện nhiệm vụ chấm, nghiệm thu sáng kiến, kinh nghiệm của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo [H1-1-01-04].

Hội đồng thi đua, khen thưởng do Hiệu trưởng ký quyết định thành lập vào đầu mỗi năm học, có cơ cấu tổ chức và thực hiện nhiệm vụ thi đua, khen thưởng theo Khoản 1, Điều 21 của Điều lệ trường trung học [H1-1-01-05].

Hội đồng kỷ luật được thành lập khi có giáo viên, nhân viên, học sinh vi phạm điều lệ, quy chế, nội quy nhà trường [H1-1-01-06]. Hội đồng kỷ luật học sinh thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1-01-07]. Năm năm vừa qua trường không có cán bộ, giáo viên, nhân viên bị xử lý kỷ luật.

Trường có Chi bộ Đảng gồm có 27 đảng viên, là Chi bộ cơ sở trực thuộc Quận ủy Quận Bình Tân [H1-1-01-08].

Công đoàn trường trực thuộc Công đoàn ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh với 109 công đoàn viên. Ban chấp hành công đoàn gồm 05 thành viên, do Đại hội công đoàn bầu chọn và Ban Thường vụ Công đoàn ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh quyết định công nhận [H1-1-01-09].

Chi đoàn giáo viên gồm 35 đoàn viên, trực thuộc Quận đoàn Bình Tân. Ban chấp hành Chi đoàn giáo viên gồm 05 thành viên [H1-1-01-10].

Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trực thuộc Quận đoàn Bình Tân. Năm học 2015 – 2016, trường có 973 đoàn viên học sinh [H1-1-01-11].

Ngoài ra, nhà trường còn có: Ban thanh tra nhân dân, Hội chữ thập đỏ, Hội khuyến học, Ban đại diện cha mẹ học sinh từng lớp và Ban đại diện cha mẹ học sinh trường, Ban liên lạc cựu học sinh [H1-1-01-12]; [H1-1-01-13]; [H1-1-01-14]; [H1-1-01-15]; [H1-1-01-16].

Trường có 10 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng theo quy định của Điều 16, 17, 20, 21 Điều lệ trường trung học. Có 04 tổ ghép theo bộ môn (Sinh – Công nghệ; Tin – Công nghệ; Sử - Giáo dục công dân; Thể dục – Quốc phòng - An ninh) [H1-1-01-17].

1.1.2. Điểm mạnh:

Các Hội đồng tư vấn thực hiện tốt vai trò tham mưu, giúp Hiệu trưởng điều hành hiệu quả mọi hoạt động của trường.

1.1.3. Điểm yếu:

Việc quản lý điều hành của Tổ trưởng cũng như việc nâng cao chất lượng của từng bộ môn ở những tổ ghép gặp nhiều khó khăn.

1.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2016 - 2017, nhà trường có kế hoạch tách các tổ ghép thành các tổ bộ môn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý điều hành của Tổ trưởng cũng như nâng cao chất lượng của từng bộ môn.

1.1.5. Tự đánh giá: Đạt.

1.2. Tiêu chí 2. Lớp học, số học sinh, điểm trường theo quy định của Điều lệ trường tiểu học (nếu trường có cấp tiểu học) và Điều lệ trường trung học.

a) Lớp học được tổ chức theo quy định;

b) Số học sinh trong một lớp theo quy định;

c) Địa điểm của trường theo quy định.

1.2.1. Mô tả hiện trạng:

Năm học 2015 - 2016, trường có 41 lớp; trong đó khối 10: 17 lớp, khối 11: 15 lớp và khối 12: 09 lớp. Sĩ số của một lớp không quá 42 học sinh [H1-1-02-01].

Mỗi lớp có một ban cán sự lớp (gồm 01 lớp trưởng, 02 lớp phó phụ trách các mặt học tập, kỷ luật và lao động) và có 04 tổ, mỗi tổ có 01 tổ trưởng, 01 tổ phó [H1-1-02-02].

Nhà trường được xây dựng thành khu riêng biệt, có tường rào bao quanh khuôn viên, môi trường yên tĩnh, thuận lợi để triển khai các hoạt động giáo dục [H1-1-02-03]; [H1-1-02-04].

1.2.2. Điểm mạnh:

Sĩ số học sinh không quá đông đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc giảng dạy, nâng cao chất lượng chuyên môn của giáo viên và công tác quản lý của nhà trường.

1.2.3. Điểm yếu:

Vị trí của trường nằm sâu trong khu dân cư, đường vào nhỏ hẹp, không thuận tiện cho việc ra vào trường của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, nhất là thời điểm tựu trường và tan trường.

1.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2016 - 2017, nhà trường phối hợp chặt chẽ với Đội dân phòng của Khu phố 7 để đảm bảo trật tự, tạo lối đi thông thoáng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong thời điểm tựu trường và tan trường.

1.2.5. Tự đánh giá: Đạt.

1.3. Tiêu chí 3. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, các tổ chức xã hội khác và các hội đồng hoạt động theo quy định của Điều lệ trường trung học và quy định của pháp luật.

a) Hoạt động đúng quy định;

b) Lãnh đạo, tư vấn cho hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ thuộc trách nhiệm và quyền hạn của mình;

c) Thực hiện rà soát, đánh giá các hoạt động sau mỗi học kỳ.

1.3.1. Mô tả hiện trạng:

Tất cả các tổ chức trong nhà trường đều hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học và quy định của pháp luật. Cụ thể:

Chi bộ Đảng lãnh đạo toàn diện nhà trường, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, dưới sự quản lý của Quận ủy Quận Bình Tân [H1-1-03-01].

Công đoàn cơ sở hoạt động dưới sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Công đoàn Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh; phối hợp với Hiệu trưởng để bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của đoàn viên công đoàn; phối hợp với các tổ chức khác trong nhà trường vận động công đoàn viên thực hiện tốt các phong trào thi đua và hoàn thành nhiệm vụ được giao [H1-1-03-02].

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hoạt động dưới sự hướng dẫn của Đoàn cấp trên; Trợ lý thanh niên, Bí thư chi đoàn giáo viên tham mưu, tư vấn cho Hiệu trưởng về công tác thanh niên trong trường học; tổ chức các hoạt động ngoại khóa, giáo dục lý tưởng sống, kỹ năng sống cho học sinh và các hoạt động xã hội khác [H1-1-03-03].

Hội đồng trường hoạt động theo quy định tại Khoản 4, Điều 20 của Điều lệ trường trung học, họp 02 lần trong một năm (đầu và cuối năm học) để quyết nghị mục tiêu, kế hoạch năm học, công tác tổ chức và nhân sự, kế hoạch trang bị cơ sở vật chất phục vụ cho việc giảng dạy và học tập. Khi cần thiết, có thể họp đột xuất để quyết nghị những vấn đề quan trọng trong kế hoạch hoạt động của nhà trường [H1-1-03-04].

Hội đồng thi đua, khen thưởng có trách nhiệm tư vấn cho Hiệu trưởng về công tác thi đua và khen thưởng, hoạt động theo Luật Thi đua - Khen thưởng và Quyết nghị của Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm [H1-1-03-05].

Các hội đồng tư vấn khác trong nhà trường hoạt động theo kế hoạch đã được Hiệu trưởng phê duyệt; tham mưu kịp thời cho Hiệu trưởng trong việc điều hành hoạt động chung của nhà trường [H1-1-03-06]; [H1-1-03-07]; [H1-1-03-08].

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo đúng Điều lệ, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của cha mẹ học sinh toàn trường để chăm lo cho học sinh, vận động các cá nhân và tập thể tài trợ nhiều công trình thiết thực liên quan đến tu bổ cơ sở vật chất, cấp học bổng và khen thưởng cho học sinh có thành tích trong học tập và phong trào thanh niên [H1-1-03-09].

Sau mỗi học kỳ và cuối mỗi năm học, các tổ chức chính trị - xã hội; các hội đồng tư vấn đều thực hiện việc rà soát, đánh giá các hoạt động; qua đó tìm ra những mặt tốt, tích cực

để phát huy; đồng thời chỉ ra những mặt còn hạn chế để tìm phương cách khắc phục cho học kỳ, năm học tới [H1-1-03-02]; [H1-1-03-03]; [H1-1-03-04]; [H1-1-03-08]; [H1-1-03-09].

1.3.2. Điểm mạnh:

Các Chi uỷ viên đồng thời là thành viên của Hội đồng trường, trực tiếp phụ trách các công việc quan trọng nên đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối, thông suốt, nhanh nhạy của Chi bộ Đảng đối với mọi mặt hoạt động của nhà trường.

Các tổ chức chính trị - xã hội, các hội đồng tư vấn của nhà trường có kế hoạch hoạt động rõ ràng, sinh hoạt đều đặn, góp phần quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

1.3.3. Điểm yếu:

Hình thức, phương cách hoạt động của Công đoàn cơ sở nhà trường còn đơn điệu, chưa thật sự có chiều sâu.

Hội Khuyến học nhà trường còn lúng túng, thiếu giải pháp hữu hiệu để huy động nguồn lực xây dựng quỹ nhằm hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

1.3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2016 – 2017, nhà trường sẽ tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ công đoàn được giao lưu với các Công đoàn cơ sở vững mạnh trong cụm thi đua để học hỏi và nâng cao năng lực công tác, thay đổi phương cách hoạt động, nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhà trường.

Củng cố, kiện toàn tổ chức, thay đổi phương thức huy động các nguồn lực phục vụ cho hoạt động của Hội Khuyến học.

1.3.5. Tự đánh giá: Đạt.

1.4. Tiêu chí 4. Cơ cấu tổ chức và việc thực hiện nhiệm vụ của các tổ chuyên môn, tổ Văn phòng (tổ Giáo vụ và Quản lý học sinh, tổ Quản trị Đời sống, các bộ phận khác đối với trường chuyên biệt) theo quy định tại Điều lệ trường trung học.

- a) Có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- b) Xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo tuần, tháng, năm học và sinh hoạt tổ theo quy định;*
- c) Thực hiện các nhiệm vụ của tổ theo quy định.*

1.4.1. Mô tả hiện trạng:

Về cơ cấu tổ chức:

Trường có 10 tổ chuyên môn gồm: Toán, Lý, Hóa, Sinh - Công nghệ, Tin học - Công nghệ, Ngữ văn, Lịch sử - Giáo dục công dân, Địa lý, Tiếng Anh, Thể dục - Giáo dục quốc phòng - An ninh. Mỗi tổ có một tổ trưởng, một tổ phó. Tổ ghép có thêm một tổ phó phụ trách môn ghép [H1-1-01-17].

Tổ Văn phòng gồm các bộ phận: Tài vụ, văn thư, học vụ, thư viện, phục vụ, bảo vệ, y tế học đường, kỹ thuật (điện, nước, tin học, điện tử).

Do địa bàn trường đóng (Phường Bình Hưng Hoà) thuộc quận vùng ven, tình hình an ninh trật tự khá phức tạp, học sinh của trường đến từ nhiều quận, huyện khác nhau nên để quản lý, giáo dục học sinh hiệu quả, nhà trường tổ chức thêm bộ phận giám thị để quản lý kỉ luật, nề nếp của giáo viên, học sinh [H1-1-04-01].

Về kế hoạch hoạt động:

Căn cứ kế hoạch năm học của nhà trường, các tổ và các bộ phận xây dựng kế hoạch của tổ, của bộ phận theo từng tuần, từng tháng, từng học kỳ, từng năm học và được lãnh đạo trường phê duyệt. Tổ trưởng hướng dẫn thành viên trong tổ xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân theo kế hoạch dạy học, phân phối chương trình và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường. Tổ trưởng tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên của tổ theo quy định của Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học và các quy định khác hiện hành [H1-1-04-02]; [H1-1-04-03].

Tổ chuyên môn sinh hoạt ít nhất 02 lần/tháng, Tổ Văn phòng sinh hoạt ít nhất 01 lần/tháng để rút kinh nghiệm chuyên môn, nghiệp vụ; đồng thời thông qua kế hoạch, thảo luận giải pháp cho những công việc trong thời gian kế tiếp; chủ động điều chỉnh một số hoạt động cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường [H1-1-04-04].

Về thực hiện nhiệm vụ:

Tổ trưởng chuyên môn của trường thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều lệ trường trung học: Xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động chung của tổ, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch cá nhân của tổ viên theo kế hoạch dạy học, phân phối chương trình và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường; phát hiện, bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, bồi dưỡng học sinh tham gia các kỳ thi học sinh giỏi và các cuộc thi khác liên quan đến chuyên môn của tổ; tổng kết, áp dụng sáng kiến - kinh nghiệm trong chuyên môn, hướng dẫn học sinh làm quen với nghiên cứu khoa học thông qua việc xây dựng và hướng dẫn học sinh tham gia sinh hoạt tại các câu lạc bộ học thuật; xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán

của tổ, nhóm chuyên môn làm nòng cốt cho các hoạt động chuyên môn của nhà trường; tổ chức bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho giáo viên trong tổ thông qua hoạt động dự giờ, thao giảng và xét duyệt kết quả tự bồi dưỡng thường xuyên của giáo viên hằng năm; tổ chức và tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên của tổ theo quy định của Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học và các quy định khác hiện hành.

Tổ trưởng Văn phòng thực hiện các nhiệm vụ: Xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động chung của tổ, hướng dẫn xây dựng và quản lý kế hoạch của các bộ phận, phối hợp với các tổ chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý, giáo dục học sinh; điều hành các hoạt động hành chính khác theo kế hoạch chung của trường; tổ chức và tham gia đánh giá, xếp loại các thành viên của tổ cuối mỗi học kỳ và cuối mỗi năm học [H1-1-03-05]; [H1-1-04-02]; [H1-1-04-03]; [H1-1-04-04]; [H1-1-04-05].

1.4.2. Điểm mạnh:

Cơ cấu tổ chức của trường hợp lý, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ, đáp ứng được yêu cầu chung của ngành.

Kế hoạch hoạt động của tổ, nhóm chuyên môn, tổ văn phòng được xây dựng cụ thể, chi tiết, khả thi; nề nếp sinh hoạt nghiêm túc, có chất lượng và đúng quy định.

1.4.3. Điểm yếu:

Hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng học sinh giỏi giữa các tổ chuyên môn chưa được đồng đều. Việc hướng dẫn học sinh làm quen với nghiên cứu khoa học ở một vài tổ chuyên môn còn hạn chế.

1.4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2016 - 2017, nhà trường đưa kết quả bồi dưỡng học sinh giỏi cấp thành phố thành một trong những điều kiện để xét công nhận danh hiệu “Giáo viên dạy giỏi cấp trường”; tổ chức đánh giá công tác hướng dẫn học sinh làm quen với nghiên cứu khoa học để làm cơ sở xét công nhận danh hiệu “Tổ lao động xuất sắc”.

1.4.5. Tự đánh giá: Đạt.

1.5. Tiêu chí 5. Xây dựng chiến lược phát triển nhà trường.

a) Chiến lược được xác định rõ ràng bằng văn bản, được cấp quản lý trực tiếp phê duyệt, được công bố công khai dưới hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trên website của sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo hoặc website của nhà trường (nếu có);

b) Chiến lược phù hợp mục tiêu giáo dục của cấp học được quy định tại Luật Giáo dục, với các nguồn lực của nhà trường và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

c) Rà soát, bổ sung, điều chỉnh chiến lược của nhà trường phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn.

1.5.1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Trung học phổ thông Bình Hưng Hòa giai đoạn 2011- 2015 và 2016 - 2020, được Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt, được công khai trên website của trường; các giá trị cốt lõi trong kế hoạch chiến lược được cụ thể hóa thành khẩu hiệu tuyên truyền tại sân trường [H1-1-05-01]; [H1-1-05-02]; [H1-1-05-03].

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường bám sát mục tiêu giáo dục phổ thông của Luật Giáo dục; phù hợp với nguồn nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất của nhà trường, với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, của Quận Bình Tân và chủ trương đổi mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-1-05-04]; [H1-1-05-05].

Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường được cụ thể hóa theo từng năm học; được rà soát đánh giá trong quá trình thực hiện, đề ra những biện pháp điều chỉnh khả thi, phù hợp với quá trình thực hiện nhiệm vụ của từng năm học [H1-1-05-06]; [H1-1-03-04].

1.5.2. Điểm mạnh:

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Trung học phổ thông Bình Hưng Hoà được xây dựng phù hợp với nguồn nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất của nhà trường và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, của Quận Bình Tân; có điều chỉnh phù hợp với từng giai đoạn phát triển; giải pháp thực hiện cụ thể, khả thi và được điều chỉnh theo từng năm học, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết, quyết tâm xây dựng và phát triển nhà trường theo những nội dung được đề cập trong kế hoạch chiến lược.

1.5.3. Điểm yếu: Không có

1.5.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2016 - 2017, nhà trường tích cực, tập trung mọi nguồn lực để triển khai chương trình hành động thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2016 – 2020 đúng tiến độ và đạt hiệu quả cao nhất.

1.5.5. Tự đánh giá: Đạt.

1.6. Tiêu chí 6. Chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của địa phương và sự lãnh đạo, chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục các cấp; đảm bảo Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường.

a) Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy Đảng, chấp hành sự quản lý hành chính của chính quyền địa phương, sự chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo quy định;

c) Đảm bảo Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường.

1.6.1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Chi bộ và Quận ủy Bình Tân; chấp hành sự quản lý hành chính của Ủy ban nhân dân Phường Bình Hưng Hoà, Quận Bình Tân [H1-1-06-01].

Nhà trường thực hiện đúng các chỉ đạo về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất với các cấp quản lý theo quy định [H1-1-06-02]; [H1-1-06-03].

Quy chế thực hiện dân chủ được soạn thảo và thông qua trong Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm. Hiệu trưởng ký quyết định ban hành; cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện. Ban thanh tra nhân dân chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện các quy định trong Quy chế. Việc thực hiện Quy chế dân chủ trong nhà trường được Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở Quận Bình Tân kiểm tra, đánh giá cao [H1-1-06-04]; [H1-1-06-05]; [H1-1-06-06].

1.6.2. Điểm mạnh:

Nhà trường luôn chủ động xây dựng các giải pháp để thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng và sự điều hành của các cấp quản lý. Các kế hoạch, giải pháp luôn được công khai bàn bạc và thống nhất nên tập thể nhà trường có sự đoàn kết nhất trí trong mọi hoạt động.

1.6.3. Điểm yếu:

Việc thực hiện chế độ báo cáo đôi lúc chưa kịp thời.

1.6.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2016 – 2017, Hiệu trưởng tăng cường việc giám sát, nhắc nhở các bộ phận có trách nhiệm thực hiện báo cáo kịp thời các hoạt động, không để quá hạn.

1.6.5. Tự đánh giá: Đạt.

1.7. Tiêu chí 7. Quản lý hành chính, thực hiện các phong trào thi đua.

a) Có đủ hồ sơ phục vụ hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường trung học;

b) Lưu trữ đầy đủ, khoa học hồ sơ, văn bản theo quy định của Luật Lưu trữ;

c) Thực hiện các cuộc vận động, tổ chức và duy trì phong trào thi đua theo hướng dẫn của ngành và quy định của Nhà nước.

1.7.1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ theo quy định tại Điều 27 của Điều lệ trường trung học, được quản lý chặt chẽ, đúng nguyên tắc, lưu trữ đầy đủ, khoa học.

Hệ thống hồ sơ bao gồm: Sổ đăng bộ; sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến; hồ sơ theo dõi phổ cập giáo dục; sổ ghi đầu bài; học bạ học sinh; sổ quản lý cấp phát văn bằng, chứng chỉ; sổ gọi tên và ghi điểm; sổ biên bản họp của nhà trường và tập biên bản họp của Hội đồng trường; hồ sơ thi đua; hồ sơ kiểm tra đánh giá giáo viên và nhân viên; sổ quản lý và hồ sơ lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến; hồ sơ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục; hồ sơ quản lý tài chính; hồ sơ quản lý thư viện; hồ sơ theo dõi sức khỏe học sinh và giáo viên, nhân viên [H1-1-07-01]; [H1-1-07-02]; [H1-1-07-03]; [H1-1-07-04]; [H1-1-07-05]; [H1-1-07-06]; [H1-1-07-07]; [H1-1-02-01]; [H1-1-03-04]; [H1-1-03-05].

Tổ chuyên môn có kế hoạch hoạt động chuyên môn và sổ ghi nội dung các cuộc họp chuyên môn [H1-1-04-02]; [H1-1-04-03]; [H1-1-04-04].

Giáo viên có các loại hồ sơ: Giáo án (bài soạn), kế hoạch giảng dạy, sổ ghi chép sinh hoạt chuyên môn, dự giờ, thăm lớp; sổ điểm cá nhân, sổ chủ nhiệm lớp (nếu là giáo viên chủ nhiệm) [H1-1-07-08].

Lãnh đạo nhà trường xây dựng kế hoạch, phối hợp với Ban chấp hành công đoàn cơ sở tổ chức thực hiện các phong trào thi đua do Ngành giáo dục và đào tạo phát động, được cụm thi đua triển khai. Nội dung của các cuộc vận động “Dân chủ - Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm”, “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”, “Trường học thân thiện, học sinh tích cực” được cụ thể hoá thành 04 nội dung rèn luyện dành cho giáo viên và 05 quy tắc ứng xử dành cho học sinh. Những nội dung rèn luyện, quy tắc ứng xử được bố trí tại các khu vực dễ quan sát để nhắc nhở mọi người thường xuyên, nghiêm túc thực hiện. Ban chấp hành công đoàn cơ sở vận động cán bộ, giáo viên, nhân viên hưởng ứng, tham gia đầy đủ các phong trào thi đua. Lãnh đạo nhà trường chỉ đạo các tổ

chuyên môn và các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt chủ đề từng năm học. Kết quả thi đua của nhà trường được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố đánh giá, công nhận “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” hằng năm [H1-1-07-09]; [H1-1-07-10]; [H1-1-07-11]; [H1-1-03-05].

1.7.2. Điểm mạnh:

Nhà trường trang bị các phần mềm quản lý SMAK, PMIS, ePMIS, VIETSCHOOL, PVN...để hỗ trợ công tác hành chính nên rất thuận tiện trong công việc.

Các tổ chức, đoàn thể và các tổ chuyên môn, tổ văn phòng tích cực, chủ động trong các hoạt động, các phong trào thi đua.

Các hoạt động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, phong trào thi đua “Dạy tốt, học tốt” và các cuộc vận động “Dân chủ - Kỷ cương - Tình thương - Trách nhiệm”, “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” là những phong trào được thực hiện thường xuyên, có sự kiểm tra, đánh giá, khen thưởng, nhắc nhở kịp thời nên đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nội bộ nhà trường.

1.7.3. Điểm yếu:

Tinh thần trách nhiệm và ý thức phấn đấu của một số ít giáo viên chưa cao, đặc biệt là những giáo viên trong diện sắp nghỉ hưu. Một vài phong trào hoạt động còn nặng tính hình thức, thiếu chiều sâu nên sức lan toả không lớn.

1.7.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2016 - 2017, nhà trường rà soát, điều chỉnh, bổ sung một số tiêu chí trong phương thức đánh giá cán bộ, giáo viên nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm và khuyến khích ý thức phấn đấu cho mọi thành viên trong trường; đồng thời nghiên cứu các giải pháp hữu hiệu để khắc phục tính hình thức trong các hoạt động phong trào.

1.7.5. Tự đánh giá: Đạt.

1.8. Tiêu chí 8. Quản lý các hoạt động giáo dục, quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh.

a) Thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý học sinh theo Điều lệ trường trung học;

b) Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cấp có thẩm quyền;

c) Thực hiện tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm, quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức, Luật Lao động, Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật.

1.8.1. Mô tả hiện trạng:

Căn cứ chương trình giáo dục và kế hoạch thời gian năm học, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch và thời khoá biểu để điều hành hoạt động giáo dục, quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Hoạt động giáo dục trong nhà trường bao gồm hoạt động trong giờ lên lớp và hoạt động ngoài giờ lên lớp. Hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp được tiến hành thông qua việc dạy học các môn học bắt buộc và tự chọn trong chương trình giáo dục bậc trung học phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp bao gồm các hoạt động ngoại khoá về khoa học, văn học, nghệ thuật, thể dục thể thao, an toàn giao thông, phòng chống tệ nạn xã hội, giáo dục giới tính, giáo dục pháp luật, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục kỹ năng sống nhằm phát triển toàn diện và bồi dưỡng năng khiếu cho học sinh; các hoạt động vui chơi, tham quan, du lịch, giao lưu văn hoá, giáo dục môi trường; hoạt động từ thiện và các hoạt động xã hội khác phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh [H1-1-08-01]; [H1-1-08-02]; [H1-1-08-03]; [H1-1-08-04].

Nhà trường quản lý học sinh thông qua việc kiểm diện chuyên cần mỗi buổi học, hệ thống các bài kiểm tra thường xuyên, định kỳ và công tác hướng dẫn, giám sát học sinh thực hiện nội quy nhà trường [H1-1-08-05]; [H1-1-08-06]; [H1-1-02-01].

Đầu mỗi năm học, nhà trường phổ biến cho giáo viên, học sinh và cha mẹ học sinh các quy định về việc dạy thêm, học thêm; phân công 01 Phó hiệu trưởng trực tiếp điều hành, quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường. Lãnh đạo nhà trường thường xuyên nhắc nhở giáo viên đăng ký và thực hiện dạy thêm, học thêm đúng quy định. Tuy nhiên, từ năm học 2016 – 2017, nhà trường chuyển sang mô hình dạy 02 buổi/ngày nên không tổ chức dạy thêm, học thêm trong trường [H1-1-08-07].

Hiệu trưởng thực hiện việc tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm, quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên theo quy định của Luật Công chức; Luật Viên chức; Luật Lao động; Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật [H1-1-08-08].

1.8.2. Điểm mạnh:

Nhà trường quản lý chặt chẽ việc thực hiện chương trình giáo dục. Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp được tổ chức khoa học, hiệu quả với nhiều hình thức phong phú, sáng tạo.

Nhà trường không có giáo viên vi phạm các quy định về dạy thêm, học thêm.

Công tác tuyển dụng, phân công, đề bạt cán bộ, giáo viên được thực hiện công khai, dân chủ, đúng quy trình và hiệu quả.

1.8.3. Điểm yếu:

Một số ít giáo viên chưa có kinh nghiệm trong công tác quản lý, giáo dục học sinh; chưa thực hiện đúng Quy trình xử lý học sinh vi phạm nội quy nhà trường.

1.8.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2016 - 2017, nhà trường tổ chức tập huấn và tập huấn lại nghiệp vụ chủ nhiệm lớp cho đội ngũ giáo viên; đồng thời rà soát lại quy trình và nghiên cứu giải pháp quản lý học sinh hiệu quả hơn, nhằm ngăn ngừa tình trạng học sinh vi phạm nội quy nhà trường.

1.8.5. Tự đánh giá: Đạt.

1.9. Tiêu chí 9. Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường.

a) Có hệ thống các văn bản quy định về quản lý tài chính, tài sản và lưu trữ hồ sơ, chứng từ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định của Nhà nước;

c) Công khai tài chính, thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính theo quy định, xây dựng được quy chế chi tiêu nội bộ.

1.9.1. Mô tả hiện trạng:

Hiệu trưởng và bộ phận tài vụ có đầy đủ các văn bản quy định về quản lý tài chính, tài sản. Tất cả các nguồn thu tài chính được quản lý tập trung tại phòng tài vụ của trường. Hồ sơ tài chính, tài sản và chứng từ được lưu trữ đúng quy định [H1-1-09-01].

Hằng năm, Hiệu trưởng nhà trường thực hiện lập dự toán, lập kế hoạch thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính theo đúng quy định của chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước [H1-1-09-02].

Hiệu trưởng ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công; các cá nhân, bộ phận thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản theo những quy định tại quy chế này; các loại tài

sản của nhà trường được kiểm kê vào ngày cuối của năm dương lịch hằng năm [H1-1-09-03]; [H1-1-09-04]; [H1-1-03-08].

Nhà trường thực hiện nghiêm túc chế độ công khai tài chính. Việc công khai tài chính được Hiệu trưởng thông tin trong các buổi họp Hội đồng sư phạm định kỳ, trong Hội nghị cán bộ - công chức hằng năm; đồng thời được dán trên bản tin đặt ở phòng Hội đồng giáo viên để cán bộ, giáo viên, nhân viên biết và tham gia giám sát. Định kỳ mỗi tháng, Hiệu trưởng thực hiện công tác tự kiểm tra tài chính và Ban thanh tra nhân dân tham gia giám sát mỗi học kỳ một lần.

Quy chế chi tiêu nội bộ được triển khai đến từng giáo viên, nhân viên để thảo luận, lấy ý kiến tại Hội nghị cán bộ - công chức cấp tổ và thông qua trong Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức cấp trường hằng năm. Sau khi ký ban hành, Hiệu trưởng thực hiện việc chi tiêu của nhà trường dưới sự giám sát của tổ chức Công đoàn và Ban thanh tra nhân dân [H1-1-09-05]; [H1-1-09-06]; [H1-1-09-07]; [H1-1-09-08].

1.9.2. Điểm mạnh:

Công tác lập dự toán khoa học, bao quát tất cả các hoạt động nên nhà trường không bị động về tài chính.

Quy chế chi tiêu nội bộ được Hiệu trưởng xây dựng cụ thể, chi tiết; được tổ chức thảo luận công khai, dân chủ trong toàn trường.

Hiệu trưởng thực hiện tốt quy chế chi tiêu nội bộ và công khai tài chính.

1.9.3. Điểm yếu:

Công tác quản lý tài sản và thanh lý tài sản chưa chặt chẽ, một số trang thiết bị chưa được sử dụng do không phù hợp với chức năng nhiệm vụ của trường (máy may, đàn organ, giá vẽ) nhưng chưa được thanh lý theo quy định.

1.9.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm 2016 và những năm tiếp theo, nhà trường tổ chức kiểm kê, rà soát và đề xuất thanh lý tài sản theo quy định.

1.9.5. Tự đánh giá: Đạt.

1.10. Tiêu chí 10. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; phòng chống bạo lực học đường, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội trong trường.

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội của nhà trường;

b) Đảm bảo an toàn cho học sinh và cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực trong nhà trường.

1.10.1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy theo quy định; có phương án phòng chống cháy nổ, thoát hiểm thoát nạn, được Phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy quận Bình Tân phê duyệt và được tổ chức diễn tập 01 lần/năm học. Nhóm trưởng bảo vệ thực hiện việc kiểm tra các thiết bị, phương tiện phòng cháy, chữa cháy định kỳ 03 tháng/lần để kịp thời tham mưu cho Hiệu trưởng sửa chữa những thiết bị hư hỏng hoặc thay mới khi cần thiết [H1-1-10-01]; [H1-1-10-02]; [H1-1-10-03]; [H1-1-08-01].

Nhà trường ký kết Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự tại trường học với Công an phường Bình Hưng Hòa; phối hợp với Đội dân phòng khu phố 7 thuộc phường Bình Hưng Hòa trong việc giữ gìn an ninh trật tự trước cổng trường vào đầu và cuối mỗi buổi học [H1-1-10-04]; [H1-1-10-05].

Nhân viên của căn tin được tập huấn về vệ sinh an toàn thực phẩm. Nhân viên y tế thường xuyên kiểm tra nguồn thực phẩm và các quy định lưu mẫu thực phẩm của bếp ăn; có kế hoạch phòng chống dịch bệnh; tổ chức tuyên truyền vệ sinh môi trường, tuyên truyền cách phòng chống HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội khác trong các giờ sinh hoạt dưới cờ đầu tuần [H1-1-10-06]; [H1-1-10-07]; [H1-1-08-01]; [H1-1-08-03].

Trong trường không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực học đường.

1.10.2. Điểm mạnh:

Nhà trường luôn đảm bảo an toàn cho giáo viên, nhân viên, học sinh khi đến trường tham gia giảng dạy, học tập và sinh hoạt; không để xảy ra tai nạn thương tích, cháy nổ, ngộ độc thực phẩm, dịch bệnh trong nhà trường.

1.10.3. Điểm yếu:

Sân chơi trung tâm của trường chưa thật bằng phẳng, tiềm ẩn nguy cơ thiếu an toàn khi học sinh vui chơi hoặc vận động trong các sinh hoạt tập thể có quy mô lớn.

1.10.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2016 - 2017, nhà trường lập dự toán kinh phí để cải tạo sân chơi trung tâm nhằm đảm bảo an toàn, phòng chống tai nạn, thương tích cho học sinh.

1.10.5. Tự đánh giá: Đạt.

Kết luận về tiêu chuẩn 1

Tiêu chuẩn 01 có 10 tiêu chí. Những điểm mạnh nổi bật của nhà trường trong tiêu chuẩn này là: Cơ cấu tổ chức hợp lý, các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động có nề nếp, và phối hợp hiệu quả; công tác quản lý, điều hành liên tục được đổi mới, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của ngành giáo dục; an ninh trật tự trong nhà trường luôn được đảm bảo; ý thức về giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nhà trường của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh luôn được phát huy; công tác quản lý hành chính, quản lý tài chính của nhà trường chặt chẽ, minh bạch, khoa học; công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật luôn được thực hiện đúng quy trình và quy định của pháp luật, có tác dụng tích cực để mọi thành viên phấn đấu.

Điểm yếu cơ bản của nhà trường là: Hiệu quả của công tác đào tạo, bồi dưỡng học sinh giỏi giữa các tổ chuyên môn chưa được đồng đều; việc hướng dẫn học sinh làm quen với nghiên cứu khoa học ở một vài tổ chuyên môn còn hạn chế; công tác quản lý tài sản và thanh lý tài sản chưa chặt chẽ, một số trang thiết bị chưa được sử dụng đúng công năng.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10.

2. Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Nhà trường thực hiện đúng các quy định của Điều lệ trường trung học để đảm bảo số lượng và chất lượng đội ngũ. Đội ngũ giáo viên, nhân viên có đủ năng lực và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ được giao. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng có năng lực quản lý và hoạch định các chiến lược phát triển nhà trường. Giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện đúng nhiệm vụ và được đảm bảo quyền lợi theo quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật.

2.1. Tiêu chí 1. Năng lực của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng trong quá trình triển khai các hoạt động giáo dục.

a) Có số năm dạy học (không kể thời gian tập sự) theo quy định của Điều lệ trường trung học;

b) Được đánh giá hằng năm đạt từ loại khá trở lên theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chính trị và quản lý giáo dục theo quy định.

2.1.1. Mô tả hiện trạng:

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có số năm dạy học theo đúng quy định của Khoản 2, Điều 18 Điều lệ trường trung học [H2-2-01-01]. Cụ thể:

Hiệu trưởng Nguyễn Thị Xuân Hương: có 28 năm dạy học, trình độ Đại học sư phạm chuyên ngành Ngữ Văn, trình độ lý luận chính trị tương đương trung cấp; Chứng chỉ B tin học, ngoại ngữ trình độ B, đã học quản lý giáo dục.

Phó hiệu trưởng Nguyễn Xuân Minh: có 36 năm dạy học, Thạc sĩ chuyên ngành Toán ứng dụng, Trung cấp lý luận chính trị, Chứng chỉ B tin học, Bằng B ngoại ngữ, đã học quản lý giáo dục.

Phó hiệu trưởng Trần Ngọc Vỹ: có 27 năm dạy học, trình độ Đại học sư phạm chuyên ngành Ngữ Văn, đang học Trung cấp lý luận chính trị, Chứng chỉ A tin học, ngoại ngữ trình độ A, đã học quản lý giáo dục.

Phó hiệu trưởng Nguyễn Duy Bình: có 13 năm dạy học, Thạc sĩ chuyên ngành Toán, Trung cấp lý luận chính trị, Chứng chỉ B tin học, Bằng B1 ngoại ngữ, đã học quản lý giáo dục.

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được đánh giá hằng năm đạt loại xuất sắc theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường trung học phổ thông [H2-2-01-02].

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng tham dự đầy đủ các lớp bồi dưỡng chính trị, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục, được tạo điều kiện học tập tự nâng cao trình độ [H2-2-01-01].

2.1.2. Điểm mạnh:

Lãnh đạo nhà trường được đào tạo cơ bản, có năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ; có tinh thần tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ ngoại ngữ; tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và quản lý.

2.1.3. Điểm yếu:

Hiệu trưởng chưa thực hiện chuyển đổi trình độ lý luận chính trị theo quy định.

2.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm 2017, hiệu trưởng sắp xếp công việc, đăng ký, tham gia học tập để chuyển đổi trình độ lý luận chính trị theo quy định.

2.1.5. Tự đánh giá: Đạt.

2.2. Tiêu chí 2. Số lượng, trình độ đào tạo của giáo viên theo quy định của Điều lệ trường tiểu học (nếu trường có cấp tiểu học), Điều lệ trường trung học.

- a) Số lượng và cơ cấu giáo viên đảm bảo để dạy các môn học bắt buộc theo quy định;
- b) Giáo viên làm công tác Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, giáo viên làm công tác tư vấn cho học sinh đảm bảo quy định;
- c) Đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn theo quy định.

2.2.1. Mô tả hiện trạng:

Năm học 2016 - 2017, tổng số giáo viên trực tiếp đứng lớp giảng dạy là 86 người. 100% giáo viên đạt chuẩn theo quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định khác, giáo viên trên chuẩn (trình độ Thạc sĩ) đạt tỉ lệ 25,58%. Tất cả các môn học đều có đủ giáo viên giảng dạy và giáo viên được phân công theo đúng chuyên môn [H2-2-02-01]; [H2-2-02-02]; [H2-2-02-03].

Trường phân công 02 giáo viên làm trợ lý thanh niên và 01 giáo viên làm công tác tư vấn học đường có trình độ Cử nhân tâm lý theo quy định của Điều lệ trường trung học và các quy định khác [H2-2-02-03].

2.2.2. Điểm mạnh:

Trường có nhiều giáo viên trên chuẩn, được phân công giảng dạy đúng chuyên môn và luôn được tạo điều kiện để nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, năng lực sử dụng công nghệ thông tin.

Phần lớn giáo viên có kinh nghiệm và nhạy bén với những thay đổi của giáo dục, có trách nhiệm, có tinh thần cầu tiến.

Cán bộ làm công tác tư vấn học đường có trình độ chuyên môn, thực hiện tốt các hoạt động tư vấn tâm lý, định hướng nghề nghiệp.

Trợ lý thanh niên có nhiệt huyết, năng động, sáng tạo và có năng lực tổ chức, điều hành, có khả năng quy tụ đoàn viên, thanh niên.

2.2.3. Điểm yếu:

Trường còn một vài giáo viên do hạn chế về sức khỏe và tuổi tác, đang chờ nghỉ hưu, ngại sự thay đổi nên chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới chuyên môn của ngành.

2.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2016 - 2017, nhà trường hoàn tất thủ tục đề giải quyết chế độ chính sách cho giáo viên theo quy định nhằm củng cố chất lượng đội ngũ.

2.2.5. Tự đánh giá: Đạt.

2.3. Tiêu chí 3. Kết quả đánh giá, xếp loại giáo viên và việc đảm bảo các quyền của giáo viên.

a) Xếp loại chung cuối năm học của giáo viên đạt từ loại trung bình trở lên, trong đó có ít nhất 50% xếp loại khá trở lên theo Quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học (nếu trường có cấp tiểu học), Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở, giáo viên trung học phổ thông;

b) Có ít nhất 15% giáo viên dạy giỏi cấp huyện (quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh) trở lên đối với trường trung học cơ sở và 10% giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương) trở lên đối với trường trung học phổ thông;

c) Giáo viên được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường tiểu học (nếu trường có cấp tiểu học), Điều lệ trường trung học và của pháp luật.

2.3.1. Mô tả hiện trạng:

Hội đồng thi đua, đánh giá viên chức của trường họp đánh giá phân loại viên chức mỗi năm 01 lần vào cuối mỗi năm học. Có 97% giáo viên trở lên được xếp loại Khá và xuất sắc theo Quy định về Chuẩn nghề nghiệp đối với trường trung học phổ thông. Trong 05 năm qua, trường không có giáo viên xếp loại yếu, kém [H2-2-01-02].

Năm học 2013 - 2014, trường có 01 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp thành phố (giải nhất). Các năm liên kế Sở Giáo dục và Đào tạo không tổ chức thi [H2-2-03-01].

Căn cứ “Quy chế xét công nhận giáo viên dạy giỏi cấp trường”, hằng năm Hiệu trưởng ra Quyết định công nhận giáo viên dạy giỏi cấp trường trên cơ sở kết quả đánh giá của Hội đồng chuyên môn và Hội đồng thi đua. Có 21 lượt giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp trường trong 05 năm vừa qua [H2-2-03-02].

Trong 5 năm trường có 52 lượt giáo viên được công nhận là Chiến sĩ thi đua cơ sở và Chiến sĩ thi đua thành phố [H2-2-03-03].

Năm học	Chiến sĩ thi đua cơ sở		Chiến sĩ thi đua thành phố	
	Số lượng	Tỷ lệ%	Số lượng	Tỷ lệ%
2011 - 2012	0/34	0	0	0
2012 - 2013	06/40	15	01/06	16,67

2013 - 2014	14/59	23,72	02/14	14,28
2014 - 2015	11/79	13,92	02/11	18,18
2015 - 2016	14/102	13,72	02/14	14,28

Giáo viên nhà trường được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 32, Điều lệ trường trung học [H2-2-03-04]; [H2-2-03-05]; [H1-1-07-07]; [H1-1-09-06].

2.3.2. Điểm mạnh:

“Quy chế xét công nhận giáo viên dạy giỏi cấp trường” được xây dựng chặt chẽ, khoa học, bao quát toàn diện về tư tưởng đạo đức, phẩm chất nhà giáo và năng lực chuyên môn nên được giáo viên đồng thuận và đã góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ.

2.3.3. Điểm yếu:

Tỉ lệ giáo viên đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp thành phố còn quá ít.

2.3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2016 - 2017, Hội đồng chuyên môn nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng, động viên giáo viên thi giáo viên dạy giỏi các cấp (khi Sở tổ chức).

2.3.5. Tự đánh giá: Đạt.

2.4. Tiêu chí 4. Số lượng, chất lượng và việc đảm bảo các chế độ, chính sách theo quy định đối với đội ngũ nhân viên của nhà trường.

- Số lượng nhân viên đảm bảo quy định;*
- Nhân viên kế toán, văn thư, y tế, viên chức làm công tác thư viện, thiết bị dạy học có trình độ trung cấp trở lên theo đúng chuyên môn; các nhân viên khác được bồi dưỡng về nghiệp vụ theo vị trí công việc;*
- Nhân viên thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao và được đảm bảo các chế độ, chính sách theo quy định.*

2.4.1. Mô tả hiện trạng:

Năm học 2016 - 2017, nhà trường có 20 nhân viên, được bố trí làm các công tác: Y tế trường học, văn thư, kế toán, thủ quỹ, bảo vệ, phục vụ, thiết bị dạy học và một số vị trí khác [H2-2-02-02].

Hàng năm nhân viên được hội đồng thi đua nhà trường đánh giá tốt trở lên.

Đội ngũ nhân viên đảm bảo yêu cầu theo vị trí việc làm và 100% đạt chuẩn theo quy định. Trong đó, nhân viên kế toán có bằng Cao đẳng chuyên ngành tài chính và chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ kế toán trưởng; thủ quỹ có bằng Trung cấp chuyên ngành

kế toán; viên chức làm công tác thư viện có bằng Cao đẳng ngành thư viện thông tin; viên chức làm công tác thiết bị dạy học có bằng Cao đẳng ngành công nghệ thông tin; nhân viên y tế có bằng Trung cấp điều dưỡng; nhân viên văn thư có bằng Trung cấp văn thư, lưu trữ [H2-2-04-01]; [H2-2-04-02].

Nhân viên được đảm bảo các quyền lợi theo chế độ chính sách hiện hành; được nhà trường cử đi học bồi dưỡng nghiệp vụ; được đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn; được nâng lương, được nghỉ lễ tết theo quy định; được trang bị đồng phục, bảo hộ lao động; được hưởng trợ cấp khó khăn, được chi thu nhập tăng thêm, khám sức khỏe và tham quan du lịch theo Nghị quyết Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức [H1-1-07-05]; [H1-1-09-06]; [H2-2-03-05].

2.4.2. Điểm mạnh:

Số lượng nhân viên tuyển dụng phù hợp, đáp ứng yêu cầu của các vị trí việc làm; những vị trí quan trọng đều có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, làm việc hiệu quả, hỗ trợ kịp thời hoạt động dạy và học.

2.4.3. Điểm yếu:

Một số vị trí việc làm (phòng thí nghiệm – thực hành Lý, Hoá, Sinh) còn do giáo viên bộ môn kiêm nhiệm, chưa tuyển dụng được viên chức có nghiệp vụ.

2.4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm 2017, nhà trường có kế hoạch tuyển dụng nhân viên phụ trách các phòng thí nghiệm – thực hành Lý, Hoá, Sinh có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp.

2.4.5. Tự đánh giá: Đạt.

2.5. Tiêu chí 5. Học sinh của nhà trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của Điều lệ trường tiểu học (nếu trường có cấp tiểu học), Điều lệ trường trung học và của pháp luật.

- a) Đảm bảo quy định về tuổi học sinh;
- b) Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của học sinh và quy định về các hành vi học sinh không được làm;
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

2.5.1. Mô tả hiện trạng:

Tuổi của học sinh vào học lớp 10 là 15 tuổi, đúng quy định hiện hành [H1-01-07-01].

Học sinh của trường thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ sau:

- Thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường;

- Kính trọng cha mẹ, thầy giáo, cô giáo, cán bộ, nhân viên của nhà trường và những người lớn tuổi; đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; thực hiện điều lệ, nội quy nhà trường; chấp hành pháp luật của Nhà nước;

- Rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân;

- Tham gia các hoạt động tập thể của trường, của lớp, của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; giúp đỡ gia đình và tham gia các công tác xã hội như hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông;

- Giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, nơi công cộng; góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường.

Học sinh của trường không được làm các việc sau:

- Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể giáo viên, cán bộ, nhân viên của nhà trường, người khác và học sinh khác;

- Gian lận trong học tập, kiểm tra, thi cử, tuyển sinh;

- Làm việc khác; sử dụng điện thoại di động hoặc máy nghe nhạc trong giờ học; hút thuốc, uống rượu, bia và sử dụng các chất kích thích khác khi đang tham gia các hoạt động giáo dục;

- Đánh nhau, gây rối trật tự, an ninh trong nhà trường và nơi công cộng;

- Lưu hành, sử dụng các ấn phẩm độc hại, đồi trụy; đưa thông tin không lành mạnh lên mạng xã hội; chơi các trò chơi mang tính kích động bạo lực, tình dục; tham gia các tệ nạn xã hội [H1-1-08-04]; [H1-1-08-05].

Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 39, Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật. Cụ thể:

- Được bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được bảo đảm những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập ở lớp và tự học ở nhà, được cung cấp thông tin về việc học tập của mình, được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hoá, thể thao của nhà trường theo quy định;

- Được tôn trọng và bảo vệ, được đối xử bình đẳng, dân chủ, được quyền khiếu nại với nhà trường và các cấp quản lý giáo dục về những quyết định đối với bản thân mình; được quyền chuyển trường khi có lý do chính đáng theo quy định hiện hành;

- Được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật do nhà trường tổ chức nếu có đủ điều kiện; được giáo dục kỹ năng sống;
- Được nhận học bổng hoặc trợ cấp khác theo quy định đối với những học sinh được hưởng chính sách xã hội, những học sinh có khó khăn về đời sống và những học sinh có năng lực đặc biệt;
- Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1-08-06]; [H2-2-05-01]; [H2-2-05-02]; [H2-2-05-03].

2.5.2. Điểm mạnh:

Nhà trường đảm bảo môi trường giáo dục toàn diện để học sinh có điều kiện phát huy hết sở trường, năng khiếu cá nhân.

Đa số học sinh của trường chủ động tích cực trong việc xây dựng văn hoá nhà trường.

2.5.3. Điểm yếu:

Còn một số ít học sinh ham chơi, lười học, bị lôi cuốn vào game online và các trang mạng xã hội nên chểnh mảng trong học tập, dẫn đến kết quả học tập yếu, kém.

2.5.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2016 - 2017, nhà trường tăng cường các biện pháp quản lý giáo dục học sinh; chỉ đạo để Đoàn thanh niên tổ chức các diễn đàn, hướng dẫn học sinh sử dụng các trang mạng xã hội một cách có ích, hiệu quả.

2.5.5. Tự đánh giá: Đạt.

Kết luận về tiêu chuẩn 2:

Tiêu chuẩn 02 có 05 tiêu chí. Điểm mạnh cơ bản của nhà trường là tạo lập được môi trường học tập thân thiện, toàn diện; học sinh được tạo mọi điều kiện để nâng cao thể lực, trí lực, năng khiếu thẩm mỹ và những kỹ năng sống cần thiết.

Số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt yêu cầu theo quy định về Chuẩn nghề nghiệp và vị trí việc làm, được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật.

Điểm yếu cơ bản của tiêu chuẩn là còn một số ít học sinh có học lực yếu, kém.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 05/05.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/05.

3. Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học

Mở đầu

Trường Trung học phổ thông Bình Hưng Hoà có cơ sở vật chất khang trang và trang thiết bị đầy đủ theo đúng quy định của Điều lệ trường trung học. Trường có khuôn viên rộng rãi, riêng biệt, phòng học thoáng mát, thuận lợi cho học sinh học tập và sinh hoạt. Hằng năm, cơ sở vật chất và trang thiết bị được kiểm kê theo định kì và kịp thời sửa chữa, nâng cấp, đảm bảo được yêu cầu tối thiểu cho các hoạt động giáo dục của nhà trường.

3.1. Tiêu chí 1. Khuôn viên, cổng trường, biển trường, tường hoặc hàng rào bảo vệ, sân chơi, bãi tập theo quy định của Điều lệ trường trung học.

a) Diện tích khuôn viên và các yêu cầu về xanh, sạch, đẹp, thoáng mát đảm bảo quy định;

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh theo quy định;

c) Có sân chơi, bãi tập theo quy định.

3.1.1. Mô tả hiện trạng:

Khuôn viên trường có diện tích 16.302,8 m², có hệ thống cây xanh và luôn sạch, đẹp, thoáng mát; có tường bao quanh, có cổng trường và biển trường theo quy định. Nhà trường có sân chơi và khu giáo dục thể chất đạt yêu cầu để thực hiện tốt các hoạt động giáo dục [H1-1-02-03]; [H1-1-02-04]; [H3-3-01-01]; [H3-3-01-02]. Cụ thể:

Sân chơi cổng trước (hẻm 219, Đường số 4): 756 m²; Sân chơi khu trung tâm: 1.884 m²; Sân Bóng đá mini, cỏ nhân tạo: 864 m²; Sân Bóng rổ, Bóng chuyền: 480 m²; Đường chạy điền kinh: 136m

3.1.2. Điểm mạnh:

Trường được xây dựng đồng bộ, hài hoà, khang trang, hiện đại; khuôn viên rộng rãi thoáng mát, có sân chơi và khu giáo dục thể chất theo quy định.

Hệ thống cổng, tường rào bảo đảm an ninh trường học.

3.1.3. Điểm yếu:

Trường chưa có hồ bơi phục vụ nhiệm vụ phổ cập bơi lội cho học sinh.

3.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm 2017, nhà trường tích cực triển khai dự án xây dựng hồ bơi bằng hình thức xã hội hoá khi đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

3.1.5. Tự đánh giá: Đạt.

3.2. Tiêu chí 2. Phòng học, bảng, bàn ghế cho giáo viên, học sinh.

a) Số lượng, quy cách, chất lượng và thiết bị của phòng học, bảng trong lớp học đảm bảo quy định của Điều lệ trường tiểu học (nếu trường có cấp tiểu học), Điều lệ trường trung học và quy định về vệ sinh trường học của Bộ Y tế;

b) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc của bàn ghế học sinh đảm bảo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế;

c) Phòng học bộ môn đạt tiêu chuẩn theo quy định.

3.2.1. Mô tả hiện trạng:

Trường có 45 phòng học, mỗi phòng có diện tích 56m². Phòng học được trang bị bảng từ chống chói, phần không bụi đúng tiêu chuẩn quy định; hệ thống quạt trần, quạt treo tường, điện chiếu sáng, hệ thống âm thanh đảm bảo theo tiêu chuẩn. Phòng học có dụng cụ thu gom rác và được nhân viên phục vụ xử lý rác hàng ngày.

Trong mỗi phòng học có 22 bàn và 44 ghế cho học sinh; có 01 bộ bàn ghế của giáo viên, đảm bảo đúng quy định.

Nhà trường có 03 phòng học môn Tin học, mỗi phòng có diện tích 84 m², được bố trí 45 máy tính; 02 phòng LAB mỗi phòng có diện tích 84 m², được bố trí 01 bảng tương tác thông minh và 45 bộ tai nghe phục vụ việc dạy học môn Ngoại ngữ; 03 phòng học bộ môn và 03 phòng thí nghiệm – thực hành Lý, Hoá, Sinh mỗi phòng có diện tích 64m², được bố trí 01 bảng tương tác thông minh, các thiết bị thí nghiệm – thực hành theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3-3-01-02]; [H3-3-02-01]; [H3-3-02-02]; [H3-3-02-03]; [H3-3-01-02].

3.2.2. Điểm mạnh:

Hệ thống bàn, ghế, bảng trong các phòng học được trang bị đồng bộ, đúng quy định. Các phòng học bộ môn đều được trang bị bảng tương tác thông minh, máy chiếu Projecto, hệ thống bàn ghế đặc thù và hệ thống âm thanh, tạo điều kiện cho giáo viên và học sinh ứng dụng công nghệ thông tin, vận dụng các phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy và học tập.

3.2.3. Điểm yếu:

Môn Toán và các môn khoa học xã hội chưa có phòng học bộ môn.

3.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm 2017, nhà trường sẽ duy trì cơ sở 42 lớp bố trí tại 42 phòng học; các phòng học còn lại sử dụng làm các phòng học bộ môn Toán, Ngữ văn, Sử - Giáo dục công dân và Địa lý.

3.2.5. Tự đánh giá: Đạt.

3.3. Tiêu chí 3. Khối phòng, trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lý, dạy và học theo quy định của Điều lệ trường trung học.

a) Khối phòng phục vụ học tập, khối phòng hành chính - quản trị, khu nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) đảm bảo quy định;

b) Có trang thiết bị y tế tối thiểu và tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu theo quy định;

c) Có các loại máy văn phòng (máy tính, máy in) phục vụ công tác quản lý và giảng dạy, máy tính nối mạng internet phục vụ các hoạt động giáo dục đáp ứng yêu cầu.

3.3.1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường có 05 dãy nhà, được xây dựng khép kín, liên hoàn giữa các phòng học và các phòng chức năng khác, bao gồm:

- 03 dãy nhà (B, C, D) kết nối theo hình chữ U với 42 phòng học sử dụng cho thời khóa biểu chính khóa, được bố trí ở các tầng 1, 2, 3; tầng trệt của các dãy nhà (B, C) bố trí 03 phòng học bộ môn và 03 phòng thí nghiệm – thực hành Lý, Hoá, Sinh; tầng trệt của dãy nhà D bố trí Văn phòng Đoàn, Phòng tư vấn học đường, Phòng y tế, Phòng bảo trì cơ sở vật chất và Kho văn phòng phẩm.

- Ở dãy nhà A: Tầng trệt gồm các phòng làm việc của Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng, giám thị, học vụ, tài vụ, phục vụ, Ban hoạt động ngoài giờ lên lớp; tầng 1 gồm Thư viện, Phòng hội đồng giáo viên, Phòng truyền thống, Phòng nghe nhìn 1 và 02 Phòng nghỉ giáo viên (nam, nữ); tầng 2 gồm 02 Phòng vi tính, 02 Phòng LAB, Phòng giám thị 2 và Phòng kỹ thuật tin học; tầng 3 gồm 01 Phòng máy tính, 03 Phòng học, Phòng phát thanh học đường, Phòng nghe nhìn 2, Kho lưu trữ và Phòng giám thị 3.

- Ở dãy nhà E: Tầng trệt gồm Phòng tập võ thuật, Phòng bộ môn Giáo dục Quốc phòng – An ninh và Căn tin; tầng 1 là hội trường 300 chỗ ngồi [H3-3-01-02].

Phòng y tế của trường có đủ trang thiết bị y tế tối thiểu (giường nghỉ, tủ thuốc và thiết bị sơ cấp cứu, hồ sơ quản lý sức khỏe học sinh và giáo viên) và các loại thuốc thiết yếu đảm bảo công tác chăm sóc, sơ cứu ban đầu cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3-03-01]; [H3-3-03-02].

Trường có các loại máy văn phòng phục vụ hoạt động hành chính và công tác quản lý (17 máy tính có nối mạng internet, 14 máy in, 01 máy photocopy); 03 phòng tin học có

135 máy tính để giảng dạy; các phòng bộ môn và thư viện đều có máy tính nối mạng internet phục vụ các hoạt động giáo dục [H3-3-03-03].

3.3.2. Điểm mạnh:

Khối phòng học, phòng chức năng được bố trí khoa học, liên hoàn, thuận tiện cho cả giáo viên và học sinh. Các trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lý, dạy và học được trang bị đầy đủ, đáp ứng tốt cho yêu cầu công việc hàng ngày.

3.3.3. Điểm yếu:

Có 90 máy tính trong 02 phòng máy (số 1 và số 2) và 05 máy của khối văn phòng, được trang bị từ năm 2011, đã khấu hao giá trị sử dụng còn 0% nhưng chưa thanh lý được nên chưa thể thay mới.

3.3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm 2017, nhà trường sẽ kiểm kê, đánh giá và làm thủ tục thanh lý theo quy định để có kế hoạch thay mới hoặc nâng cấp 95 máy tính đã hết giá trị sử dụng.

3.3.5. Tự đánh giá: Đạt.

3.4. Tiêu chí 4. Công trình vệ sinh, nhà để xe, hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom rác đáp ứng yêu cầu của hoạt động giáo dục.

a) Có công trình vệ sinh riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, riêng cho nam và nữ, thuận lợi cho học sinh khuyết tật (nếu có), vị trí phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện, sạch sẽ;

b) Có nhà để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, hệ thống cung cấp nước uống đạt tiêu chuẩn, hệ thống thoát nước, thu gom rác đảm bảo yêu cầu.

3.4.1. Mô tả hiện trạng:

Trường có 04 khu vệ sinh dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và 14 khu vệ sinh dành cho học sinh đặt tại đầu mỗi dãy nhà A, B, C, D, E; từ tầng trệt đến các tầng lầu. Các khu vệ sinh được bố trí riêng cho nam và nữ, được xây dựng ở những vị trí phù hợp với cảnh quan, an toàn và thuận tiện [H3-3-01-01]; [H3-3-02-01].

Trường có 01 nhà để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên; 02 khu vực để xe cho học sinh và 01 khu vực để xe cho khách, được bố trí ở các vị trí thích hợp, riêng biệt, đảm bảo diện tích sử dụng và được bảo vệ an toàn [H3-3-01-02].

Nhà trường sử dụng nước thủy cục làm nguồn nước sinh hoạt cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh; trang bị 02 máy lọc nước uống trực tiếp hàng ngày cho học sinh; sử dụng nước uống tinh khiết thương hiệu Ion life đạt tiêu chuẩn cho cán bộ, giáo viên. Hệ thống thoát nước đầy đủ, thông thoáng, vệ sinh. Việc thu gom rác thải được thực hiện hằng ngày, đúng yêu cầu, đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3-04-01]; [H3-3-04-02].

3.4.2. Điểm mạnh:

Hệ thống nhà vệ sinh được đầu tư đạt chuẩn, luôn sạch sẽ, khô thoáng. Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh, đảm bảo đáp ứng đủ mọi hoạt động giáo dục.

3.4.3. Điểm yếu:

Do khuôn viên trường rộng, nhân viên phục vụ ít nên có lúc việc dọn dẹp vệ sinh chưa kịp thời. Tại những khu đất trống chưa sử dụng cỏ hoang mọc dày, không được dọn dẹp thường xuyên nên chưa đảm bảo mỹ quan chung của trường.

3.4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường phân công công việc cụ thể, phù hợp, thường xuyên nhắc nhở nhân viên phục vụ làm vệ sinh, đảm bảo sạch sẽ mọi khu vực có giáo viên và học sinh tham gia học tập và sinh hoạt.

Định kỳ, Phó hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất yêu cầu nhân viên chăm sóc cây xanh thực hiện việc cắt, dọn cỏ để đảm bảo mỹ quan chung.

3.4.5. Tự đánh giá: Đạt.

3.5. Tiêu chí 5. Thư viện đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

a) Thư viện đạt tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; được bổ sung sách, báo và tài liệu tham khảo hằng năm;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Hệ thống công nghệ thông tin kết nối internet và website của nhà trường đáp ứng yêu cầu dạy, học và quản lý nhà trường.

3.5.1. Mô tả hiện trạng:

Thư viện nhà trường hoạt động hiệu quả. Sách, báo, tài liệu tham khảo được bổ sung hằng năm đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy, học tập của giáo viên và học sinh. Cụ thể:

STT	Tủ sách	Tổng số sách
-----	---------	--------------

1	Tạp chí	697
2	Pháp luật	56
3	Tham khảo	1603
4	Nghiệp vụ	514
5	Giáo khoa	435
6	Hồ Chí Minh	93
Tổng cộng		3.398

Nhà trường trang bị 05 máy tính có kết nối Internet tại thư viện để tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên, học sinh nghiên cứu, khai thác tài liệu, ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy và học tập nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

Kho sách của trường đã được nhân viên thư viện phân loại theo cấu trúc của bảng phân loại 19 dãy dùng cho các thư viện trường phổ thông.

Hoạt động của thư viện phong phú, có nề nếp: thực hiện nhiệm vụ giới thiệu sách định kỳ (tối thiểu 02 lần/học kỳ); phối hợp với tổ Ngữ Văn tổ chức giao lưu với Câu lạc bộ Thơ Haiku của Thành phố; phối hợp với Câu lạc bộ Văn học tổ chức cuộc thi sáng tác văn, thơ (báo tường, tập san, bài viết) chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; phối hợp với Ban phát thanh học đường, Câu lạc bộ pháp luật, Câu lạc bộ Ngoại ngữ, Đoàn trường....để hướng dẫn học sinh tham gia các cuộc thi online do Sở Giáo dục và Đào tạo, Quận đoàn Bình Tân tổ chức [H3-3-05-01]; [H3-3-05-02]; [H3-3-05-03]; [H3-3-05-04]; [H3-3-05-05]; [H1-1-07-06].

Trường có 03 line internet với tổng dung lượng 200MB phục vụ cho công tác quản lý hành chính, quản lý chất lượng chuyên môn, dạy tin học và tổ chức, tham gia các kỳ thi trực tuyến. Nhà trường quản lý nề nếp học tập của học sinh bằng phần mềm Vietschool. Website của trường có kết nối với Cổng thông tin điện tử của Sở Giáo dục và Đào tạo. Mọi thông tin hoạt động của trường thường xuyên được cập nhật, công khai trên Website. Việc trao đổi thông tin đa chiều giữa lãnh đạo nhà trường với giáo viên và cha mẹ học sinh luôn kịp thời, thông qua hệ thống tin nhắn SMS [H3-3-03-03].

3.5.2. Điểm mạnh:

Thư viện nhà trường được bổ sung sách, báo và tài liệu tham khảo hằng năm, được xếp loại thư viện tiên tiến nhiều năm liền.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin được quan tâm, đầu tư, đáp ứng tốt yêu cầu dạy, học và quản lý nhà trường.

3.5.3. Điểm yếu:

Những năm đầu trường mới thành lập, kinh phí thiếu, việc mua sắm sách báo cho thư viện hạn chế nên số đầu sách còn ít và chưa phong phú.

3.5.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm 2017, nhà trường sẽ bố trí kinh phí hằng năm để mua sắm thêm sách, báo, tạp chí, tài liệu bổ sung cho thư viện.

3.5.5. Tự đánh giá: Đạt.

3.6. Tiêu chí 6. Thiết bị dạy học, đồ dùng dạy học và hiệu quả sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học.

a) Thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ giảng dạy và học tập đảm bảo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

b) Việc sử dụng thiết bị dạy học trong các giờ lên lớp và tự làm một số đồ dùng dạy học của giáo viên đảm bảo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Kiểm kê, sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng và thiết bị dạy học hằng năm.

3.6.1. Mô tả hiện trạng:

Trường đã trang bị đủ thiết bị dạy học, đồ dùng dạy học theo danh mục Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 10, lớp 11, lớp 12 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H1-01-07-04].

Các tổ bộ môn xây dựng kế hoạch sử dụng thiết bị và đồ dùng dạy học theo đúng quy định của chương trình [H1-1-04-02].

Việc quản lý, bảo quản thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học được giao trách nhiệm cho giáo viên, nhân viên phụ trách phòng thí nghiệm, nhân viên phụ trách thiết bị trường học và các tổ trưởng bộ môn có liên quan [H3-3-06-01].

Cuối mỗi năm học, nhà trường tổ chức kiểm tra, đánh giá kế hoạch sử dụng thiết bị và đồ dùng dạy học của giáo viên; kiểm kê, đánh giá hiệu quả và mua sắm bổ sung thiết bị, đồ dùng dạy học [H1-1-03-08]; [H1-1-07-04]; [H1-1-09-04].

3.6.2. Điểm mạnh:

Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị giáo dục tối thiểu, đồ dùng dạy học, dụng cụ thí nghiệm phục vụ chương trình dạy học ban cơ bản. Thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học được chứa trong các kho chứa an toàn và được giao cho cán bộ, giáo viên có trách nhiệm liên quan quản lý đúng quy định.

Công tác kiểm tra, kiểm kê định kỳ, mua sắm bổ sung thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học được quan tâm và thực hiện thường xuyên.

3.6.3. Điểm yếu:

Số lượng thiết bị đồ dùng dạy học do giáo viên tự làm còn hạn chế. Một số đồ dùng dạy học (giá vẽ, máy may công nghiệp, đàn Organ) công năng không phù hợp với chương trình trung học phổ thông và kém chất lượng nhưng chưa thanh lý được.

3.6.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm 2017, nhà trường yêu cầu giáo viên các bộ môn xã hội tăng cường sử dụng các phần mềm ứng dụng, phim ảnh để thiết kế giáo án sinh động và kết nối với thực tiễn; đồng thời lập thủ tục đề nghị thanh lý những thiết bị, đồ dùng dạy học không phù hợp, không đúng công năng.

3.6.5. Tự đánh giá: Đạt.

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Tiêu chuẩn 03 có 06 tiêu chí. Điểm mạnh cơ bản của tiêu chuẩn này là nhà trường được xây dựng đồng bộ, hài hoà, khang trang, hiện đại; khuôn viên rộng rãi thoáng mát; có đủ điều kiện về cơ sở vật chất và các trang thiết bị phục vụ tốt cho hoạt động dạy và học; công tác quản lý, sử dụng thiết bị dạy học có nề nếp; hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và quản lý tốt.

Mặt hạn chế cơ bản là đồ dùng dạy học dùng cho các bộ môn khoa học xã hội còn hạn chế; một số đồ dùng dạy học (giá vẽ, máy may công nghiệp, đàn Organ) công năng không phù hợp với chương trình trung học phổ thông và kém chất lượng nhưng chưa thanh lý được.

Số lượng tiêu chí đạt: 06/06

Số lượng tiêu chí không đạt: 00/06

4. Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội có vai trò quan trọng trong giáo dục toàn diện học sinh và phát triển nhà trường. Do đó, nhà trường quan tâm đến việc xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể, Ban đại diện cha mẹ học sinh và địa phương trong các hoạt động giáo dục.

4.1. Tiêu chí 1. Tổ chức và hiệu quả hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

a) Ban đại diện cha mẹ học sinh có tổ chức, nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Nhà trường tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động;

c) Tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất giữa nhà trường với cha mẹ học sinh, Ban đại diện cha mẹ học sinh để tiếp thu ý kiến về công tác quản lý của nhà trường, các biện pháp giáo dục học sinh, giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh, góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh.

4.1.1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường tổ chức Hội nghị cha mẹ học sinh lớp vào đầu mỗi năm học. Dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm, cha mẹ học sinh mỗi lớp bầu Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp; Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp bầu chọn Ban đại diện cha mẹ học sinh trường trong Đại hội đại biểu cha mẹ học sinh, có sự tham gia của lãnh đạo nhà trường.

Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có sơ kết, tổng kết hoạt động mỗi cuối học kì, cuối năm học và đề ra phương hướng nhiệm vụ cho năm học sau [H4-4-01-01].

Nhà trường luôn tạo điều kiện để Ban đại diện cha mẹ học sinh tiếp thu ý kiến của cha mẹ học sinh, tổ chức vận động thực hiện các công trình trọng điểm, hỗ trợ hoạt động học tập của học sinh. Cha mẹ học sinh được mời tham gia các buổi tư vấn tuyển sinh và các chuyên đề liên quan đến giáo dục giới tính, chăm sóc sức khỏe cho học sinh [H4-4-01-02].

Mỗi năm học, nhà trường tổ chức họp định kỳ cha mẹ học sinh 03 lần theo đơn vị lớp; Ban đại diện cha mẹ học sinh trường họp định kỳ 03 lần (đầu năm, giữa năm và cuối năm học). Trong các cuộc họp, nhà trường tiếp thu ý kiến của cha mẹ học sinh, nghiên cứu đề ra nhiều biện pháp khắc phục những hạn chế trong công tác quản lý và việc phối hợp quản lý, giáo dục học sinh [H4-4-01-03].

Ngoài các cuộc họp định kỳ, nhà trường còn tổ chức các cuộc họp khác với Ban đại diện cha mẹ học sinh để kịp thời giải quyết các vấn đề mới phát sinh, các hoạt động liên quan đến tài chính, tài trợ [H1-1-03-09].

4.1.2. Điểm mạnh:

Ban đại diện cha mẹ học sinh được bầu chọn dân chủ, tập hợp được những người nhiệt tình, tâm huyết với sự nghiệp giáo dục, với sự phát triển nhà trường; sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban đại diện cha mẹ học sinh và nhà trường đã góp phần thực hiện thành công nhiều công trình phục vụ cho hoạt động dạy và học.

4.1.3. Điểm yếu:

Một bộ phận cha mẹ học sinh chưa quan tâm đúng mức đến việc phối hợp với nhà trường trong công tác giáo dục, chăm sóc học sinh.

4.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường sẽ xây dựng thêm các giải pháp đảm bảo sự liên hệ, phối hợp thường xuyên, mật thiết giữa cha mẹ học sinh với nhà trường; tránh không để cha mẹ học sinh khoán trắng việc giáo dục học sinh cho thầy, cô giáo.

4.1.5. Tự đánh giá: Đạt.

4.2. Tiêu chí 2. Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể ở địa phương để huy động nguồn lực xây dựng nhà trường và môi trường giáo dục.

a) Chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân của địa phương để xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh;

c) Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện, theo quy định của các tổ chức, cá nhân để xây dựng cơ sở vật chất; tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học; khen thưởng học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc khác và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

4.2.1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường chủ động tham mưu cho Quận ủy, Ủy ban nhân dân Quận Bình Tân, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân Phường Bình Hưng Hòa về việc giữ gìn trật tự an ninh xung quanh trường. Ủy ban nhân dân, Công an Phường Bình Hưng Hòa, Đội dân phòng khu phố 7 hỗ trợ nhà trường trong công tác giữ gìn an ninh, trật tự trước cổng trường vào giờ tan học và trong các hoạt động lễ hội, hội trại... Nhà trường đã ký kết văn bản phối hợp giữ gìn an ninh trật tự với Công an Phường Bình Hưng Hòa [H1-1-10-04]; [H1-1-10-05].

Nhà trường đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ của các tổ chức và cá nhân như Ban đại diện cha mẹ học sinh, Ban liên lạc cựu học sinh, các tổ chức tư vấn giáo dục, các đối tác dịch vụ,... các nguồn tài trợ này được sử dụng vào việc sửa chữa cơ sở vật chất, trang bị thêm phương tiện dạy học, khen thưởng học sinh và hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh thi học sinh giỏi hằng năm [H4-4-02-01]; [H4-4-02-02]; [H4-4-01-01].

4.2.2. Điểm mạnh:

Lãnh đạo trường làm tốt công tác phối hợp với công an và chính quyền địa phương trong việc đảm bảo an ninh trật tự trường học, phòng chống bạo lực, phòng chống các tệ nạn xã hội thâm nhập nhà trường.

4.2.3. Điểm yếu:

Còn tình trạng mua bán hàng rong trước cổng trường vào đầu mỗi buổi học.

4.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2016 - 2017, nhà trường tăng cường tham mưu cho các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương về các biện pháp giải quyết tình trạng mua bán hàng rong trước cổng trường vào đầu mỗi buổi học.

4.2.5. Tự đánh giá: Đạt.

4.3. Tiêu chí 3. Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể của địa phương, huy động sự tham gia của cộng đồng để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh và thực hiện mục tiêu, kế hoạch giáo dục.

a) Phối hợp hiệu quả với các tổ chức, đoàn thể để giáo dục học sinh về truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc;

b) Chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với nước, Mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương;

c) Tuyên truyền để tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về nội dung, phương pháp dạy học, tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục.

4.3.1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường phối hợp thường xuyên với Quận đoàn Bình Tân, Hội Liên hiệp thanh niên và Câu lạc bộ kháng chiến quận Bình Tân để giáo dục học sinh về truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc; tổ chức sinh hoạt các chuyên đề liên quan đến các ngày lễ lớn như ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11, ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12, ngày truyền thống Học sinh - Sinh viên 9/1, ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 3/2, ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 26/3, Giỗ tổ Hùng Vương 10/3 âm lịch, ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh 19/5....; Đoàn trường tổ chức cho đoàn viên học sinh chăm sóc Nghĩa trang Liệt sĩ quận Bình Tân – huyện Bình Chánh; tổ chức về nguồn thăm tượng đài và nhà lưu niệm đồng chí Võ Thị Sáu ở tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, thăm khu căn cứ cách mạng tại núi Minh Đạm; thăm Nhà tưởng niệm Bác Hồ và Trường Dục Thanh ở Phan Thiết...

Đoàn trường vận động đoàn viên quyên góp kinh phí xây dựng nhà tình bạn, chăm sóc những học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn; tổ chức và tham gia chiến dịch “Hoa phượng đỏ”, phát huy truyền thống thanh niên xung kích trong tất cả các hoạt động Đoàn trường cũng nhận phụng dưỡng suốt đời Mẹ Việt Nam anh hùng Dương Thị Thắng ở Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân [H1-1-08-03]; [H4-4-03-01]; [H4-4-03-02].

Nhà trường thực hiện thường xuyên việc tuyên truyền, đối thoại để tăng thêm sự hiểu biết cho học sinh, cha mẹ học sinh về nội dung, phương pháp dạy học, tạo điều kiện cho cha mẹ học sinh và các tổ chức tham gia thực hiện mục tiêu và kế hoạch giáo dục. Lãnh đạo nhà trường tiếp xúc với phụ huynh học sinh để lắng nghe, tiếp thu, giải thích các ý kiến có liên quan đến công tác giáo dục của nhà trường thông qua các cuộc họp với cha mẹ học sinh, họp với Ban đại diện cha mẹ học sinh. Định kỳ mỗi năm 01 lần, Lãnh đạo nhà trường trực tiếp đối thoại với đại diện học sinh để lắng nghe nguyện vọng của học sinh về môi trường học tập, về nề nếp kỷ cương cần có của nhà trường; đồng thời khơi gợi ý thức trách nhiệm, tự giác, tinh thần đoàn kết, chủ động học tập của học sinh [H2-2-05-03]; [H4-4-01-03]; [H4-4-03-01].

4.3.2. Điểm mạnh:

Trường Trung học phổ thông Bình Hưng Hoà tuy mới thành lập nhưng đã nhanh chóng tạo được uy tín với cha mẹ học sinh, với chính quyền địa phương; có sự phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường; được chính quyền địa phương ủng hộ và được sự tin tưởng của xã hội.

Học sinh của trường có ý thức học tập, lưu giữ truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc; có ý thức xây dựng văn hoá nhà trường. Phụ huynh học sinh hết lòng ủng hộ nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục.

4.3.3. Điểm yếu:

Hoạt động về nguồn của học sinh mới chỉ được tổ chức tại những di tích lịch sử, những địa chỉ văn hoá quen thuộc, lặp lại nhiều năm, nên chưa hấp dẫn và chưa tạo được hứng thú thực sự cho học sinh.

4.3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2016 - 2017, nhà trường tăng cường các hoạt động trải nghiệm, các chuyến về nguồn đến những địa chỉ đỏ, các di tích lịch sử - văn hoá ở nhiều địa phương khác nhau nhằm giúp học sinh có những trải nghiệm phong phú hơn, tiếp nhận tri thức đa dạng và hấp dẫn hơn.

4.3.5. Tự đánh giá: Đạt.

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Tiêu chuẩn 04 gồm 03 tiêu chí, đánh giá về mối liên hệ giữa nhà trường với cha mẹ học sinh, với địa phương. Mặt mạnh nổi bật của nhà trường là có mối quan hệ mật thiết với cha mẹ học sinh thông qua Ban đại diện; nhận được sự ủng hộ, đồng thuận của cha mẹ học sinh về tổ chức các hoạt động giáo dục. Công tác giáo dục truyền thống lịch sử, giáo dục ý thức xây dựng nhà trường và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc được thực hiện thường niên, đạt hiệu quả cao.

Điểm yếu cơ bản là còn tình trạng mua bán hàng rong trước cổng trường vào đầu mỗi buổi học.

Số lượng tiêu chí đạt: 03/03

Số lượng tiêu chí không đạt: 00/03

5. Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Hoạt động giáo dục của Trường Trung học phổ thông Bình Hưng Hoà tuân thủ các quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh; bám sát “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Trung học phổ thông Bình Hưng Hoà” ban hành kèm theo Quyết định số: 167-60/QĐ-GDĐT-TC ngày 18 tháng 02 năm 2014 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả các mặt giáo dục hằng năm là cơ sở để nhà trường có kế hoạch củng cố, cải tiến, nâng cao chất lượng dạy – học nhằm đáp ứng mục tiêu giáo dục và nhiệm vụ của trường.

5.1. Tiêu chí 1. Thực hiện chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục địa phương.

- a) Có kế hoạch hoạt động chuyên môn từng năm học, học kỳ, tháng, tuần;*
- b) Thực hiện đúng kế hoạch thời gian năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập từng môn học theo quy định;*
- c) Rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập hằng tháng.*

5.1.1. Mô tả hiện trạng:

Căn cứ Kế hoạch năm học và các chỉ đạo chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo, căn cứ Kế hoạch năm học của nhà trường, Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn lập kế

hoạch hoạt động chuyên môn cụ thể cho từng học kỳ, từng tháng, từng tuần. Các tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch hoạt động chuyên môn của trường được Hiệu trưởng phê duyệt và các yêu cầu cụ thể của tổ bộ môn để lập kế hoạch giảng dạy bộ môn, kế hoạch giảng dạy học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kém [H1-1-04-02]; [H1-1-08-01]; [H5-5-01-01]; [H5-5-01-02].

Mỗi học kỳ, tổ chuyên môn phân công thao giảng, dự giờ rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng dạy học. Hằng tháng, tổ chuyên môn tổ chức rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch năm học của tổ và kế hoạch giảng dạy, học tập của bộ môn. Hội đồng chuyên môn của trường họp định kỳ 02 lần/học kỳ nhằm rà soát, đánh giá các biện pháp tổ chức dạy học, chất lượng chuyên môn của trường và của từng bộ môn; từ đó đưa ra những giải pháp hữu ích, chỉ đạo chuyên môn sâu sát hơn. Mỗi học kỳ, cuối năm học, nhà trường tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá tiến độ, hiệu quả của hoạt động chuyên môn [H1-1-04-04]; [H5-5-01-03]; [H5-5-01-04].

5.1.2. Điểm mạnh:

Nhà trường, các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết gắn với tình hình thực tế của trường, vừa bao quát được tất cả các hoạt động chuyên môn, vừa cụ thể từng tháng, từng học kỳ.

Việc rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động chuyên môn được thực hiện định kỳ sau mỗi đợt kiểm tra tập trung, theo kế hoạch năm học; trong đó có phân tích rõ nguyên nhân và có giải pháp điều chỉnh nếu chưa đạt hiệu quả.

5.1.3. Điểm yếu:

Do tình hình nhân sự chưa ổn định (thiếu giáo viên cục bộ, giáo viên đi học, đi bồi dưỡng, nghỉ thai sản) nên ở một vài tổ chuyên môn việc thực hiện kế hoạch giảng dạy gặp nhiều khó khăn.

5.1.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2016 - 2017, nhà trường tiếp tục tham mưu cho Phòng Tổ chức – Cán bộ Sở Giáo dục và Đào tạo để tuyển đủ giáo viên; điều chỉnh kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên nhằm ổn định đội ngũ, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chuyên môn thực hiện tốt kế hoạch giảng dạy.

5.1.5. Tự đánh giá: Đạt.

5.2. Tiêu chí 2. Đổi mới phương pháp dạy học nhằm khuyến khích sự chuyên cần, tích cực, chủ động, sáng tạo và ý thức vươn lên, rèn luyện khả năng tự học của học sinh.

a) Sử dụng hợp lý sách giáo khoa; liên hệ thực tế khi dạy học, dạy học tích hợp; thực hiện cân đối giữa truyền thụ kiến thức với rèn luyện kỹ năng tư duy cho học sinh trong quá trình dạy học;

b) Ứng dụng hợp lý công nghệ thông tin trong dạy học, đổi mới đánh giá và hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập;

c) Hướng dẫn học sinh học tập tích cực, chủ động, sáng tạo và biết phản biện.

5.2.1. Mô tả hiện trạng:

Từ năm học 2013 - 2014, Trường Trung học phổ thông Bình Hưng Hoà đã mạnh dạn triển khai các phương pháp dạy học tích cực, mới (bàn tay nặn bột, lớp học ngoài nhà trường...) nhằm khơi dậy tinh thần sáng tạo của giáo viên, tạo hứng thú học tập cho học sinh. Năm học 2016 – 2017 nhà trường chuyển sang cơ chế dạy 02 buổi/ngày với hình thức tổ chức dạy học hướng tới mục đích phát huy tối đa năng lực cá nhân của học sinh. Nhà trường tiếp tục triển khai các phương pháp dạy học mới (dạy học theo dự án, chuyên đề) ở một số tổ chuyên môn; đồng thời tạo thuận lợi để các tổ chuyên môn chủ động điều chỉnh chương trình, sách giáo khoa, loại bỏ những thông tin cũ, lạc hậu, bổ sung cập nhật thông tin mới và xây dựng các chủ đề liên môn, tích hợp. Các tổ bộ môn biên soạn đề cương môn học phù hợp với đối tượng học sinh. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học được giáo viên thực hiện ở hầu hết các quá trình dạy học, có tính đến mức độ phù hợp của đơn vị bài học và đối tượng học sinh [H5-5-02-01]; [H5-5-02-02]; [H5-5-02-03]; [H1-1-04-02].

Việc kiểm tra, đánh giá được chuyển đổi từ đánh giá bài học sang đánh giá quá trình trên tinh thần khuyến khích học sinh không học vẹt, học thuộc lòng mà phải biết vận dụng kiến thức để giải quyết tình huống thực tế; đa dạng hóa các hình thức kiểm tra như kiểm tra bằng bài viết, bằng sản phẩm nghiên cứu thực tế, ngoại khóa, thuyết trình,... Học sinh được hướng dẫn để biết tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau [H5-5-02-04]; [H5-5-02-05]; [H5-5-02-06].

Hoạt động của các câu lạc bộ Toán, Lý, Ngữ văn, Anh Văn, Sinh, Tin học – sáng tạo trẻ, Pháp luật đã góp phần quan trọng trong việc hướng dẫn học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu, biết hợp tác và khai thác thông tin từ internet [H1-1-08-06].

5.2.2. Điểm mạnh:

Nhà trường chủ động và mạnh dạn đổi mới cách tổ chức các hoạt động giáo dục, làm chủ công nghệ thông tin trong dạy học và có giải pháp khá tốt trong việc hướng dẫn học sinh tự học. Việc đánh giá theo quá trình được triển khai đầy đủ ở tất cả các tổ bộ môn đã góp phần nâng cao ý thức học tập của học sinh và chất lượng giảng dạy của từng bộ môn.

5.2.3. Điểm yếu:

Các dự án dạy học được thực hiện còn ít, tỷ lệ giáo viên và học sinh tham gia Trường học trực tuyến chưa nhiều và chưa thật sự hiệu quả.

5.2.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2016 - 2017, nhà trường chỉ đạo các tổ bộ môn tiếp tục điều chỉnh chương trình và tài liệu dạy học phù hợp với những yêu cầu mới của ngành giáo dục, phù hợp với năng lực, trình độ của học sinh; khuyến khích giáo viên và học sinh sử dụng các hình thức dạy học trực tuyến để nâng cao tính tự chủ và linh hoạt trong việc tổ chức các hình thức dạy học.

5.2.5. Tự đánh giá: Đạt.

5.3. Tiêu chí 3. Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục của địa phương.

a) Có kế hoạch và triển khai thực hiện công tác phổ cập giáo dục theo nhiệm vụ được chính quyền địa phương, cơ quan quản lý giáo dục cấp trên giao;

b) Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục đáp ứng với nhiệm vụ được giao;

c) Kiểm tra, đánh giá công tác phổ cập giáo dục theo định kỳ để có biện pháp cải tiến, nâng cao hiệu quả công tác.

5.3.1. Mô tả hiện trạng:

Hiệu trưởng là thành viên Ban chỉ đạo công tác phổ cập giáo dục của Quận Bình Tân. Hiệu trưởng phân công 01 nhân viên kỹ thuật Tin học kiêm nhiệm công tác phổ cập giáo dục; thường xuyên cập nhật số liệu học sinh cho các phường để quản lý học sinh trên địa bàn [H5-5-03-01]; [H5-5-03-02].

Nhà trường không được phân công dạy phổ cập giáo dục tại địa phương.

5.3.2. Điểm mạnh:

Nhà trường phối hợp tốt với các phường, tổ dân phố trên địa bàn để cung cấp số liệu, thông tin liên quan đến công tác phổ cập giáo dục.

5.3.3. Điểm yếu:

Giáo viên trường không tham gia dạy phổ cập giáo dục tại địa phương.

5.3.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục hỗ trợ địa phương thực hiện công tác phổ cập giáo dục.

5.3.5. Tự đánh giá: Không đạt (chỉ số a).

5.4. Tiêu chí 4. Thực hiện hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh học lực yếu, kém theo kế hoạch của nhà trường và theo quy định của các cấp quản lý giáo dục.

a) Khảo sát, phân loại học sinh giỏi, yếu, kém và có các biện pháp giúp đỡ học sinh vươn lên trong học tập từ đầu năm học;

b) Có các hình thức tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu, kém phù hợp;

c) Rà soát, đánh giá để cải tiến hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu, kém sau mỗi học kỳ.

5.4.1. Mô tả hiện trạng:

Sau khi có kết quả tuyển sinh vào lớp 10, nhà trường phân lớp theo năng lực, trình độ học tập; theo môn học vượt trội mà học sinh đặc biệt hứng thú để có kế hoạch tổ chức dạy học phù hợp. Sau mỗi giữa học kỳ, học sinh có học lực yếu bộ môn sẽ được giáo viên hỗ trợ, giúp đỡ để đáp ứng yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng của cấp học [H5-5-04-01]; [H5-5-04-02].

Nhà trường tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi để phát huy năng khiếu của học sinh như: Bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi thành phố, học sinh giỏi cụm; bồi dưỡng học sinh tham gia kì thi Olympic Thành phố Hồ Chí Minh hằng năm [H5-5-04-03]; [H5-5-01-01].

Sau mỗi kỳ thi học sinh giỏi, Hội đồng chuyên môn trường rà soát, đánh giá kết quả để cải tiến nội dung, phương pháp của hoạt động bồi dưỡng học sinh giỏi [H1-1-03-07].

5.4.2. Điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện có hiệu quả công tác phân loại học sinh theo năng lực học tập, xây dựng kế hoạch dạy học phù hợp với từng loại hình lớp.

5.4.3. Điểm yếu: Tỷ lệ học sinh yếu, kém còn khá cao. Số lượng học sinh tham gia nghiên cứu khoa học còn quá ít (mới có 09 học sinh với 01 đề tài cấp trường).

5.4.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục duy trì việc khảo sát, phân loại, bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, kém; có kế hoạch khuyến khích, hỗ trợ học sinh tham gia nghiên cứu khoa học nhằm bổ sung kiến thức các môn học.

5.4.5. Tự đánh giá: Đạt.

5.5. Tiêu chí 5. Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

a) Thực hiện nội dung giáo dục địa phương, góp phần thực hiện mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn

b) Thực hiện kiểm tra, đánh giá các nội dung giáo dục địa phương theo quy định;

c) Rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương hằng năm.

5.5.1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường chỉ đạo giáo viên các bộ môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân và môn Quốc phòng - An ninh thực hiện việc giảng dạy các nội dung giáo dục địa phương 02 tiết/lớp/năm học. Hằng năm, các tổ chuyên môn tổ chức để giáo viên cập nhật tài liệu về giáo dục địa phương, xây dựng các chuyên đề dạy học phù hợp với đặc thù của từng bộ môn [H5-5-05-01]; [H5-5-05-02].

Mỗi năm học, Trợ lý thanh niên phối hợp với các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch và tổ chức 01 hoạt động trải nghiệm ngoài nhà trường, đến các di tích lịch sử, các địa chỉ văn hóa trong và ngoài Thành phố Hồ Chí Minh cho học sinh toàn trường. Hoạt động này giúp học sinh được củng cố kiến thức các môn khoa học xã hội và rèn luyện một số kỹ năng cần thiết trong giao tiếp cũng như trong cuộc sống [H5-5-05-03].

5.5.2. Điểm mạnh:

Việc đưa nội dung giáo dục địa phương vào các môn học giúp học sinh hiểu biết và gắn bó với quê hương, đất nước; tăng sự hiểu biết về đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội, lịch sử địa phương, các ngành nghề truyền thống. Việc bản thân được trải nghiệm, được tiếp thu bài học từ những hiện tượng, sự vật, sự việc gần gũi của cuộc sống xung quanh cũng khiến học sinh hứng thú hơn trong học tập.

5.5.3. Điểm yếu:

Nội dung giáo dục địa phương phần lớn được thực hiện lồng ghép, tích hợp trong bài giảng; các chuyên đề dạy học có nội dung giáo dục địa phương còn ít; việc dạy học thực địa, tổ chức ngoại khóa còn hạn chế.

5.5.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2016 - 2017, nhà trường kiểm tra việc thực hiện chương trình giáo dục địa phương một cách chặt chẽ; chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng thêm các chuyên đề dạy học có nội dung giáo dục địa phương; có kế hoạch tổ chức và đầu tư thêm kinh phí cho hoạt động tham quan học tập tại các di tích lịch sử, di sản văn hóa, làng nghề truyền thống của thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương khác.

5.5.5. Tự đánh giá: Không đạt (chỉ số c).

5.6. Tiêu chí 6. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, khuyến khích sự tham gia chủ động, tự giác của học sinh.

a) Phổ biến kiến thức về một số hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, một số trò chơi dân gian cho học sinh;

b) Tổ chức một số hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, trò chơi dân gian cho học sinh trong và ngoài trường;

c) Tham gia Hội khỏe Phù Đổng, hội thi văn nghệ, thể thao, các hoạt động lễ hội dân gian do các cơ quan có thẩm quyền tổ chức.

5.6.1. Mô tả hiện trạng:

Các tổ bộ môn khoa học xã hội và giáo viên môn Giáo dục thể chất phổ biến kiến thức về một số hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, một số trò chơi dân gian cho học sinh trong giờ dạy chính khóa và ngoại khóa. Đoàn trường phối hợp với Ban Thể dục – Thể thao và Tổ Thể dục – Quốc phòng - An ninh tổ chức các trò chơi dân gian như kéo co, nhảy bao bố, ô ăn quan...trong các giờ ra chơi cho học sinh, trong các hoạt động chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 hằng năm [H5-5-06-01].

Mỗi năm 01 lần, Đoàn trường tổ chức Hội thi văn nghệ chào mừng ngày 20/11; phối hợp với Ban liên lạc cựu học sinh tổ chức chương trình Văn nghệ “Kết nối yêu thương”; phối hợp với Chi đoàn giáo viên tổ chức Hội thi Tuyên truyền các ca khúc cách mạng cho học sinh và giáo viên [H5-5-06-02]; [H5-5-06-03].

Câu lạc bộ Văn nghệ tập hợp được những học sinh có năng khiếu và đam mê ca hát, sinh hoạt định kỳ vào chiều thứ tư hằng tuần, luyện tập để biểu diễn trong lễ Khai giảng, Sơ kết học kỳ, Tổng kết năm học và các ngày kỷ niệm lớn trong năm. Câu lạc bộ thể thao gồm các môn Bóng đá, Bóng rổ, Bóng chuyền, Cầu lông, Võ Taekwondo, Karatedo sinh hoạt và luyện tập định kỳ chiều thứ tư hằng tuần; tích cực luyện tập để

tham gia các giải đấu thể thao do Thành phố, Sở Giáo dục và Đào tạo, quận Bình Tân tổ chức [H5-5-06-04].

Học sinh tham gia và đạt thành tích tốt trong các Hội khỏe Phù Đổng, giải Vô địch thể thao học sinh cấp trường, cấp quận và cấp thành phố; tham gia hội thi nhóm ca khúc Chú ve con do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức hằng năm [H5-5-06-05]; [H1-1-03-05].

5.6.2. Điểm mạnh:

Nhà trường luôn duy trì, tổ chức thường xuyên các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao và một số trò chơi dân gian cho học sinh.

Học sinh có năng khiếu văn nghệ, thể thao được tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để tập luyện, biểu diễn và thi đấu.

5.6.3. Điểm yếu:

Các hoạt động lễ hội văn hóa dân gian chưa phong phú và chưa thu hút học sinh.

5.6.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2016 - 2017, nhà trường chỉ đạo tổ Ngữ văn và Câu lạc bộ Văn học tăng cường các hoạt động giới thiệu về văn học, văn hoá dân gian; bố trí giáo viên tham gia các khóa bồi dưỡng kỹ năng tổ chức hoạt động văn hóa dân gian để đổi mới cách thức, loại hình, tạo hứng thú cho học sinh.

5.6.5. Tự đánh giá: Đạt.

5.7. Tiêu chí 7. Giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống thông qua các hoạt động học tập, hoạt động tập thể và hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh.

a) Giáo dục các kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự nhận thức, kỹ năng ra quyết định, suy xét và giải quyết vấn đề, kỹ năng đặt mục tiêu, kỹ năng ứng phó, kiểm chế, kỹ năng hợp tác và làm việc theo nhóm cho học sinh;

b) Giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh thông qua giáo dục ý thức chấp hành luật giao thông; cách tự phòng, chống tai nạn giao thông, đuối nước và các tai nạn thương tích khác; thông qua việc thực hiện các quy định về cách ứng xử có văn hóa, đoàn kết, thân ái, giúp đỡ lẫn nhau;

c) Giáo dục và tư vấn về sức khỏe thể chất và tinh thần, giáo dục về giới tính, tình yêu, hôn nhân, gia đình phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh.

5.7.1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường đảm bảo mỗi tuần học sinh có 02 tiết sinh hoạt tập thể, 1 tiết dưới sân trường và 1 tiết với giáo viên chủ nhiệm. Ban hoạt động ngoài giờ lên lớp phối hợp với Báo Mực tím online, Câu lạc bộ Zero Plus, Câu lạc bộ kỹ năng của trường tổ chức các buổi tập huấn, giao lưu, hướng dẫn các kỹ năng tự nhận thức - tự đánh giá bản thân, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ra quyết định, suy xét và giải quyết vấn đề, kỹ năng đặt mục tiêu, kỹ năng ứng phó, kiểm chế, kỹ năng hợp tác, làm việc theo nhóm và nhiều kỹ năng khác [H1-1-08-01]; [H1-1-08-02]; [H1-1-08-03].

Nhà trường ban hành “Quy tắc ứng xử văn hóa” để học sinh biết tôn trọng lợi ích cộng đồng, giữ nề nếp kỉ cương, biết xin lỗi khi mắc sai lầm, biết cảm ơn và biết giúp đỡ bạn bè khi cần thiết [H5-5-07-01].

Nhà trường chỉ đạo Nhân viên phụ trách công tác pháp chế, tổ bộ môn Giáo dục công dân, Đoàn thanh niên, Câu lạc bộ Pháp luật, cán bộ y tế và giáo viên Giáo dục thể chất thường xuyên giáo dục học sinh tuân thủ Luật Giao thông đường bộ, Luật Hôn nhân và gia đình; tổ chức cho học sinh học bơi và rèn luyện kỹ năng cứu người đuối nước; hướng dẫn học sinh biết tự bảo vệ bản thân và cách phòng ngừa tai nạn, dịch bệnh [H5-5-07-02]; [H5-5-07-03].

Giáo viên tư vấn tâm lý phối hợp với phòng y tế xây dựng kế hoạch báo cáo chuyên đề, tư vấn cho học sinh và cha mẹ học sinh về sức khỏe thể chất, sức khỏe tinh thần. Nhà trường liên kết với các chuyên gia ở Trung tâm Y tế dự phòng thành phố để hướng dẫn học sinh cách phòng chống một số bệnh thường gặp ở lứa tuổi thanh thiếu niên, giáo dục sức khỏe sinh sản cho học sinh [H5-5-07-04]; [H5-5-07-05].

5.7.2. Điểm mạnh:

Hoạt động giáo dục kỹ năng sống được triển khai từ năm học 2013 – 2014 và đẩy mạnh từ năm học 2014 - 2015 đã giúp học sinh có thêm bản lĩnh để ứng phó với những sự thay đổi, ứng phó với những áp lực của học tập, của cuộc sống.

Chương trình tư vấn học đường và các hoạt động sinh hoạt tập thể được tổ chức thường xuyên giúp học sinh hiểu thêm về tình bạn, tình yêu, hôn nhân, gia đình, cách ứng xử văn hóa; từ đó có những hành vi đúng đắn đối với bạn bè, thầy cô.

5.7.3. Điểm yếu:

Một số ít học sinh còn thiếu kỹ năng kiểm chế cảm xúc; kỹ năng ứng phó với những tình huống bất ngờ trong cuộc sống; những học sinh thuộc diện hoà nhập còn khó khăn trong sinh hoạt cộng đồng và rèn luyện các kỹ năng cơ bản.

5.7.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm học 2016 - 2017, nhà trường có kế hoạch để Đoàn trường, Chi đoàn giáo viên, đội ngũ giám thị, Đội trật tự học đường tăng cường các giải pháp phối hợp kiểm tra, xử lý những học sinh cố tình vi phạm Luật giao thông đường bộ; chỉ đạo nhân viên tư vấn phối hợp với bộ phận quản lý học sinh tăng cường các biện pháp giúp đỡ học sinh hoà nhập, tư vấn giúp đỡ học sinh trong việc rèn luyện kỹ năng kiểm chế, ra quyết định.

5.7.5. Tự đánh giá: Đạt.

5.8. Tiêu chí 8. Học sinh tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường lớp học, nhà trường.

a) Có kế hoạch và lịch phân công học sinh tham gia các hoạt động bảo vệ, chăm sóc, giữ gìn vệ sinh môi trường của nhà trường;

b) Kết quả tham gia hoạt động bảo vệ, chăm sóc, giữ gìn vệ sinh môi trường của học sinh đạt yêu cầu;

c) Hằng tuần, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện giữ gìn vệ sinh môi trường của nhà trường.

5.8.1. Mô tả hiện trạng:

Giáo viên chủ nhiệm phân công học sinh trực vệ sinh trước và sau buổi học, đảm bảo lớp học, hành lang, cầu thang luôn sạch sẽ, ngăn nắp [H1-1-02-02].

Mỗi lớp thực hiện nhiệm vụ dọn dẹp vệ sinh môi trường nhà trường 01 buổi/học kỳ [H5-5-08-01].

Mỗi ngày và hằng tuần, Đội chim cánh cụt kiểm tra việc trực vệ sinh và phân loại rác thải tại lớp của học sinh; nhắc nhở, chấm điểm thi đua, tổng kết theo tuần, tháng và cuối học kỳ [H5-5-08-02].

Câu lạc bộ Sinh học tập hợp được nhiều học sinh, thường xuyên tuyên truyền và tổ chức các hoạt động kêu gọi bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước, chăm sóc cây xanh trong khuôn viên trường [H5-5-08-03].

Đội chim cánh cụt và Đội công tác xã hội tổ chức các hoạt động tình nguyện thu gom rác thải, dọn lề đường, gỡ bỏ các biển quảng cáo gây mất thẩm mỹ thành phố và cổng trường [H5-5-08-04].

5.8.2. Điểm mạnh:

Nhà trường thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá thi đua của các lớp về mặt vệ sinh lớp học và sân trường một cách thường xuyên. Kết quả trường lớp luôn sạch sẽ, thông thoáng, học sinh thực hiện tốt nhiệm vụ dọn dẹp, giữ gìn vệ sinh môi trường.

5.8.3. Điểm yếu:

Ý thức bảo vệ, giữ gìn vệ sinh môi trường nhà trường của một số ít học sinh chưa tốt.

5.8.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Từ năm 2016, nhà trường chỉ đạo Đoàn trường, Đội chim cánh cụt, bộ phận quản lý học sinh và giáo viên chủ nhiệm lớp tăng cường các buổi tuyên truyền, giáo dục ý thức bảo vệ, giữ gìn vệ sinh môi trường nhà trường cho học sinh.

5.8.5. Tự đánh giá: Đạt.

5.9. Tiêu chí 9. Kết quả xếp loại học lực của học sinh hằng năm đáp ứng mục tiêu giáo dục.

a) Tỷ lệ học sinh xếp loại trung bình trở lên;

- Miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo: Đạt ít nhất 85% đối với trường trung học cơ sở, 80% đối với trường trung học phổ thông và 95% đối với trường chuyên;

- Các vùng khác: Đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở, 85% đối với trường trung học phổ thông và 99% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh xếp loại khá;

- Miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo: Đạt ít nhất 25% đối với trường trung học cơ sở, 15% đối với trường trung học phổ thông và 60% đối với trường chuyên;

- Các vùng khác: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở, 20% đối với trường trung học phổ thông và 70% đối với trường chuyên.

c) Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi.

- Miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo: Đạt ít nhất 2% đối với trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông; 15% đối với trường chuyên;

- Các vùng khác: Đạt ít nhất 3% đối với trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông; 20% đối với trường chuyên.

5.9.1. Mô tả hiện trạng:

Do những năm đầu thực hiện tuyển sinh vào lớp 10 bằng phương thức xét tuyển, chất lượng đầu vào thấp nên tỷ lệ học sinh xếp loại học lực trung bình trở lên hằng năm chưa đạt yêu cầu. Từ năm học 2014 – 2015, nhà trường bắt đầu tuyển sinh theo phương

thức thi tuyển, đầu vào lớp 10 khá hơn nên tỷ lệ học sinh xếp loại học lực trung bình trở lên được cải thiện. Năm học 2015 – 2016 đạt tỷ lệ 93,17% [H5-5-09-01]; [H5-5-09-02].

XẾP LOẠI HỌC LỰC

(Số liệu cuối mỗi năm học)

NĂM HỌC	TỔNG SỐ HỌC SINH	GIỎI		KHÁ		TRUNG BÌNH		YẾU, KÉM	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
2011 – 2012	122	06	4,91	33	27,40	43	35,25	40	32,44
2012 – 2013	389	18	4,63	79	20,3	167	42,94	125	32,13
2013 – 2014	799	63	7,88	257	32,17	274	34,29	205	25,75
2014 – 2015	1231	73	5,93	417	33,87	558	45,34	183	14,86
2015 – 2016	1581	93	5,88	682	43,14	698	44,15	108	6,83

5.9.2. Điểm mạnh:

Trong 05 năm học vừa qua, tỉ lệ học sinh khá, giỏi của trường luôn đạt và vượt yêu cầu của chỉ số.

5.9.3. Điểm yếu:

Tỷ lệ học sinh yếu kém có giảm từng năm nhưng vẫn còn khá cao.

5.9.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục có giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập, hướng tới mục tiêu giảm tỷ lệ học sinh yếu kém còn 3% cho năm học 2016 – 2017 và 1% cho những năm tiếp theo.

5.9.5. Tự đánh giá: Đạt.

5.10. Tiêu chí 10. Kết quả xếp loại hạnh kiểm của học sinh hằng năm đáp ứng mục tiêu giáo dục.

a) Tỷ lệ học sinh xếp loại khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, 98% đối với trường chuyên;

b) Tỷ lệ học sinh bị kỷ luật buộc thôi học có thời hạn không quá 1% đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông; không quá 0,2% đối với trường chuyên;

c) Không có học sinh bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

5.10.1. Mô tả hiện trạng:

Trong 03 năm học đầu tiên, từ năm học 2011 – 2012 đến năm học 2013 – 2014, tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt không đạt yêu cầu của chỉ số. Từ năm học 2014 – 2015 nhà trường tăng cường các biện pháp quản lý, giáo dục học sinh nên tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt hằng năm có tăng lên và đã đạt yêu cầu của chỉ số.

XẾP LOẠI HẠNH KIỂM

(Số liệu cuối mỗi năm học)

NĂM HỌC	TỔNG SỐ HỌC SINH	TỐT		KHÁ		TRUNG BÌNH		YẾU	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
2011 - 2012	122	43	35,25	39	31,96	26	21,3	14	11,49
2012 - 2013	389	250	64,27	68	17,48	64	16,45	07	1,8
2013 - 2014	799	516	64,96	141	17,64	76	9,51	66	7,89
2014 - 2015	1231	885	71,89	240	19,5	47	3,82	59	4,79
2015 - 2016	1581	643	40,67	805	50,93	87	5,5	46	2,9

Trong các năm học nói trên, toàn trường không có học sinh bị kỷ luật buộc thôi học, không có học sinh bị truy cứu trách nhiệm hình sự [H5-5-10-01]; [H5-5-09-02].

5.10.2. Điểm mạnh:

Tỷ lệ học sinh được xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt yêu cầu của chỉ số.

5.10.3. Điểm yếu:

Một số học sinh chưa chấp hành tốt nội quy (đi trễ, nghỉ học, không thực hiện đồng phục, thiếu trung thực trong kiểm tra) nên có kết quả xếp loại hạnh kiểm trung bình, yếu.

5.10.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục tăng cường các biện pháp giáo dục học sinh về ý thức tự giác thực hiện nội quy; kết hợp chặt chẽ với các lực lượng trong và ngoài nhà trường giáo dục học sinh.

5.10.5. Tự đánh giá: Đạt.

5.11. Tiêu chí 11. Kết quả hoạt động giáo dục nghề phổ thông và hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho học sinh hằng năm.

a) Các ngành nghề hướng nghiệp cho học sinh phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Tỷ lệ học sinh tham gia học nghề: Miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo: Đạt ít nhất 70% trên tổng số học sinh thuộc đối tượng học nghề đối với trường trung học cơ sở; 100% đối với trường trung học phổ thông và trường chuyên; các vùng khác: Đạt ít nhất 80% trên tổng số học sinh thuộc đối tượng học nghề đối với trường trung học cơ sở; 100% đối với trường trung học phổ thông và trường chuyên;

c) Kết quả xếp loại học nghề của học sinh: Miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo: Đạt 80% loại trung bình trở lên đối với trường trung học cơ sở, 90% đối với trường trung học phổ thông và trường chuyên; các vùng khác: Đạt 90% loại trung bình trở lên đối với trường trung học cơ sở, 95% đối với trường trung học phổ thông và trường chuyên.

5.11.1. Mô tả hiện trạng:

Nhà trường tổ chức cho học sinh học nghề Điện và Tin học, phù hợp với đa số nhu cầu của học sinh và điều kiện cơ sở vật chất hiện có. 100% học sinh khối 11 được học nghề phổ thông [H5-5-11-01]; [H5-5-11-02]. Kết quả môn học cụ thể:

NĂM HỌC	TỔNG SỐ HỌC SINH	GIỎI		KHÁ		TRUNG BÌNH		YẾU (Không tốt nghiệp)	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
2011 - 2012	122	0	0	0	0	0	0	0	0
2012 - 2013	122	78	63,93	36	29,5	8	6,57	0	0
2013 - 2014	249	113	45,38	75	30,12	50	20,09	11	4,41
2014 - 2015	346	213	61,56	81	23,41	37	10,69	03	0,87
2015 - 2016	676	216	31,95	339	50,15	118	17,45	03	0,45

Ban hoạt động ngoài giờ lên lớp - giáo dục hướng nghiệp – nghề phối hợp với giáo viên tư vấn học đường tổ chức tư vấn hướng nghiệp cho học sinh, giới thiệu hệ thống các ngành nghề phù hợp với năng lực học sinh, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của thành phố; phối hợp với Đoàn trường, Báo Giáo dục thành phố và một số trường đại học, cao đẳng trên địa bàn để tổ chức ngày hội hướng nghiệp định kỳ hằng năm cho học sinh.

Nhà trường tổ chức phân nhóm và đưa học sinh đi tham quan, trải nghiệm tại các

trường đại học trong địa bàn thành phố; tổ chức làm trắc nghiệm hứng thú nghề nghiệp cho học sinh, đặc biệt là học sinh khối 12, để học sinh tìm hiểu sở thích, năng lực từ đó định hướng việc chọn ngành, chọn nghề. Sau khi thống kê kết quả trắc nghiệm, bản báo cáo tỉ lệ nhóm sở thích cùng các khối thi liên quan đến nhóm sở thích được gửi đến các lớp và giáo viên chủ nhiệm, kèm theo bản danh sách các nhóm nghề cần thiết nhằm kịp thời hỗ trợ học sinh [H1-1-08-02].

5.11.2. Điểm mạnh:

Nhà trường tổ chức dạy nghề phổ thông đúng quy định. Tỷ lệ học sinh đạt chứng chỉ nghề phổ thông luôn vượt yêu cầu của chỉ số. Các môn nghề phổ thông đã góp phần trang bị thêm những kĩ năng cần thiết cho học sinh.

Công tác tư vấn hướng nghiệp và kết nối với các trường đại học, cao đẳng trong thành phố được quan tâm, đầu tư nên học sinh có nhiều cơ hội để trúng tuyển.

5.11.3. Điểm yếu:

Một số nghề liên quan đến năng khiếu thẩm mỹ được học sinh yêu thích và nhà trường có thể đáp ứng về phương tiện giảng dạy nhưng không tổ chức giảng dạy được vì không có giáo viên có chuyên môn.

5.11.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục duy trì những ưu điểm đã đạt được trong những năm qua về công tác hướng nghiệp, dạy nghề; tổ chức nhiều buổi tư vấn để học sinh và cha mẹ học sinh nhìn nhận rõ hơn khi chọn ngành, chọn nghề, chọn trường thi phù hợp với năng lực, sở thích của học sinh.

Tích cực tìm nguồn giáo viên để tổ chức giảng dạy một số nghề liên quan đến năng khiếu, thẩm mỹ.

5.11.5. Tự đánh giá: Đạt.

5.12. Tiêu chí 12. Hiệu quả hoạt động giáo dục hằng năm của nhà trường.

a) Tỷ lệ học sinh lên lớp, tỷ lệ tốt nghiệp ổn định hằng năm;

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban;

c) Có học sinh tham gia và đoạt giải trong các hội thi, giao lưu đối với tiểu học, kỳ thi học sinh giỏi cấp huyện (quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh) trở lên đối với trung học cơ sở và cấp tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương) trở lên đối với trung học phổ thông hằng năm.

5.12.1. Mô tả hiện trạng:

Tỷ lệ học sinh lên lớp, tốt nghiệp, học sinh giỏi mỗi năm học:

NĂM HỌC	TỔNG SỐ HỌC SINH	HỌC SINH LÊN LỚP		HỌC SINH TỐT NGHIỆP THPT		HỌC SINH GIỎI THÀNH PHỐ	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
2011 - 2012	122	82	67,56	0	0	0	0
2012 - 2013	389	264	67,87	0	0	0	0
2013 - 2014	799	594	74,24	93/93	100	02	0,25
2014 - 2015	1231	1048	85,14	210/235	89,36	13	1,06
2015 - 2016	1581	1473	93,17	281/303	92,73	13	0,82

Tỷ lệ học sinh bỏ học, lưu ban hằng năm:

NĂM HỌC	TỔNG SỐ HỌC SINH	HỌC SINH BỎ HỌC		HỌC SINH LƯU BAN	
		Số lượng	%	Số lượng	%
2011 - 2012	122	09	7,38	15	12,3
2012 - 2013	389	07	1,8	11	2,83
2013 - 2014	799	15	1,88	18	2,25
2014 - 2015	1231	13	1,06	22	1,79
2015 - 2016	1581	09	0,57	23	1,45

Trong 03 năm gần đây nhà trường mới có học sinh tham gia và có đạt giải trong các kì thi học sinh giỏi cấp thành phố [H5-5-12-01]; [H5-5-12-02]; [H1-1-03-05].

5.12.2. Điểm mạnh:

Tỷ lệ học sinh lên lớp, tốt nghiệp tăng dần; tỉ lệ học sinh lưu ban, bỏ học giảm dần qua từng năm.

5.12.3. Điểm yếu:

Tỉ lệ học sinh giỏi cấp thành phố chưa ổn định, chưa có học sinh giỏi cấp quốc gia.

5.12.4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nhà trường tiếp tục tăng cường việc phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi ở các bộ môn; tuyển chọn thêm giáo viên dạy giỏi và hợp tác với một số chuyên gia ở các trường đại học để dạy đội tuyển học sinh giỏi.

5.12.5. Tự đánh giá: Đạt.

Kết luận về tiêu chuẩn 5

Tiêu chuẩn 05 gồm 12 tiêu chí, đánh giá kết quả các mặt giáo dục của nhà trường. Mặt mạnh nổi bật của nhà trường là việc đầu tư đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học. Nhà trường đặc biệt chú trọng đến giáo dục toàn diện, hướng nghiệp – dạy nghề, tổ chức nhiều hoạt động ngoài giờ lên lớp, giáo dục kỹ năng sống... Điểm yếu cơ bản của trường ở tiêu chuẩn này là vẫn còn một số ít học sinh chưa thực hiện tốt nội quy, kết quả thi học sinh giỏi các cấp còn quá thấp.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/12.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 02/12.

III. KẾT LUẬN CHUNG

Kết quả tự đánh giá của Trường Trung học phổ thông Bình Hưng Hoà được xác định căn cứ theo Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên; công văn số 8987/BGDĐT-KTKĐCLGD của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên và công văn số 46/KTKĐCLGD-KĐPT ngày 15 tháng 01 năm 2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định yêu cầu, gợi ý tìm minh chứng theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường tiểu học và trường trung học. Trong đó:

- Số lượng chỉ số đạt là 106/108 chỉ số, chiếm tỷ lệ 98,15%
- Số lượng chỉ số không đạt là 02/108 chỉ số, chiếm tỷ lệ 1,85%
- Số lượng tiêu chí đạt là 34/36 tiêu chí, chiếm tỷ lệ 94,4 %
- Số lượng tiêu chí không đạt là 02/36 tiêu chí, chiếm tỷ lệ 5,6%

Căn cứ theo Khoản 2 Điều 31 Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên ban hành kèm theo Thông tư số 42/2012/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 11

năm 2012, Hội đồng tự đánh giá nhà trường đánh giá **Trường Trung học phổ thông Bình Hưng Hoà đạt cấp độ 3.**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Hương

Phần III: PHỤ LỤC
DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Năm ban hành	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
1	[H1-1-01-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Năm 2011 và 2016	Sở Giáo dục và Đào tạo	Văn phòng
2	[H1-1-01-02]	Quyết định thành lập Hội đồng trường	Năm 2012	Sở Giáo dục và Đào tạo	Văn phòng
3	[H1-1-01-03]	Quyết định bổ sung, kiện toàn nhân sự Hội đồng trường	Năm 2014	Sở Giáo dục và Đào tạo	Văn phòng
4	[H1-1-01-04]	Quyết định thành lập Hội đồng khoa học	Năm 2011 đến 2016	Sở Giáo dục và Đào tạo	Văn phòng
5	[H1-1-01-05]	Quyết định thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng, các hội đồng tư vấn khác	Năm 2011 đến 2016	Hiệu trưởng	Văn phòng
6	[H1-1-01-06]	Quyết định thành lập Hội đồng Kỷ luật	Từ năm 2011 đến năm 2016	Phó hiệu trưởng phụ trách quản lý học sinh	Phó hiệu trưởng phụ trách quản lý học sinh
7	[H1-1-01-07]	Hồ sơ kỷ luật học sinh	Từ năm 2011 đến năm 2016	Phó hiệu trưởng phụ trách quản lý học sinh	Phó hiệu trưởng phụ trách quản lý học sinh
8	[H1-1-01-08]	Quyết định thành lập chi bộ, chuẩn y cấp ủy, bí thư, phó bí thư	Năm 2011, 2015	Quận Ủy Bình Tân	Bí thư chi bộ
9	[H1-1-01-09]	Quyết định thành lập công đoàn cơ sở,	Năm 2011, 2012	Công đoàn ngành Giáo	Chủ tịch Công đoàn

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Năm ban hành	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
		Quyết định công nhận ban chấp hành		dục và Đào tạo	cơ sở
10	[H1-1-01-10]	Quyết định thành lập chi đoàn giáo viên và chuẩn y, công nhận ban chấp hành	Năm 2011 đến 2015	Quận đoàn Bình Tân	Bí thư Chi đoàn giáo viên
11	[H1-1-01-11]	Quyết định thành lập Đoàn trường và Quyết định chuẩn y, công nhận ban chấp hành qua các nhiệm kỳ	Năm 2011 đến 2015	Quận đoàn Bình Tân	Trợ lý thanh niên
12	[H1-1-01-12]	Quyết định công nhận Ban thanh tra nhân dân	Năm 2013, 2015	Ban chấp hành Công đoàn	Phòng Công đoàn
13	[H1-1-01-13]	Quyết định chuẩn y Ban chấp hành Hội Chữ thập đỏ	Năm 2015	Hội chữ thập Đỏ Quận Bình Tân	Phòng y tế
14	[H1-1-01-14]	Quyết định thành lập Hội Khuyến học	Năm 2012	Hội Khuyến học Quận Bình Tân	Phó hiệu trưởng phụ trách quản lý học sinh
15	[H1-1-01-15]	Biên bản đại hội và Danh sách Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp, cấp trường	Từ năm 2011 đến năm 2016	Trưởng ban đại diện Cha mẹ học sinh	Văn phòng
16	[H1-1-01-16]	Danh sách Ban liên lạc cựu học sinh	Năm 2015	Hiệu trưởng	Văn phòng Đoàn
17	[H1-1-01-17]	Quyết định phân công nhiệm vụ tổ trưởng, tổ phó chuyên môn/văn phòng	Năm 2011 đến 2016	Hiệu trưởng	Văn phòng
18	[H1-1-02-01]	Sổ gọi tên và ghi điểm của lớp	Năm 2011 đến 2016	Phòng học vụ	Phòng học vụ

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Năm ban hành	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
19	[H1-1-02-02]	Sổ chủ nhiệm lớp	Năm 2014, 2015	Giáo viên chủ nhiệm	Giáo viên chủ nhiệm
20	[H1-1-02-03]	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nhà trường.	Năm 2013	Sở Tài nguyên - Môi trường	Văn phòng
21	[H1-1-02-04]	Bản đồ vị trí hiện trạng của nhà trường	Năm 2015	Sở Tài nguyên - Môi trường	Hiệu trưởng
22	[H1-1-03-01]	Chương trình công tác và Biên bản họp của Chi bộ Đảng.	Năm 2011 đến 2016	Chi bộ	Văn thư chi bộ
23	[H1-1-03-02]	Kế hoạch hoạt động và Biên bản họp của tổ chức Công đoàn.	Năm 2011 đến 2016	Công đoàn trường	Phòng Công đoàn
24	[H1-1-03-03]	Chương trình công tác và Biên bản họp của tổ chức Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, của Chi đoàn giáo viên.	Năm 2011 đến 2016	Ban chấp hành Đoàn trường	Văn phòng Đoàn
25	[H1-1-03-04]	Biên bản họp của Hội đồng trường và của nhà trường.	Năm 2011 đến 2016	Thư kí Hội đồng	Thư kí Hội đồng
26	[H1-1-03-05]	Hồ sơ thi đua, khen thưởng của trường.	Năm 2011 đến 2016	Chủ tịch công đoàn	Phòng Công đoàn
27	[H1-1-03-06]	Hồ sơ hội đồng khoa học của trường.	Năm 2011 đến 2016	Thư kí Hội đồng	Thư kí Hội đồng
28	[H1-1-03-07]	Biên bản họp hội đồng chuyên môn.	Năm 2011 đến 2016	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng chuyên môn
29	[H1-1-03-08]	Hồ sơ kiểm kê cơ sở vật chất.	Năm 2011, 2016	Phó hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất	Phó hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Năm ban hành	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
30	[H1-1-03-09]	Hồ sơ hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường	Năm 2012 đến 2016	Ban đại diện Cha mẹ học sinh	Văn phòng
31	[H1-1-04-01]	Các Hợp đồng làm việc với nhân viên giám thị.	Năm 2014, 2015, 2016	Hiệu trưởng	Văn phòng
32	[H1-1-04-02]	Kế hoạch giảng dạy, phân phối chương trình, hồ sơ hoạt động của tổ chuyên môn	Năm 2014, 2015	Phó hiệu trưởng chuyên môn; Tổ trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng chuyên môn
33	[H1-1-04-03]	Kế hoạch, hồ sơ hoạt động tổ Văn phòng	Năm 2014, 2015	Phó Hiệu trưởng 2	Văn phòng
34	[H1-1-04-04]	Biên bản họp tổ của Tổ chuyên môn, Tổ Văn phòng	Năm 2014, 2015	Tổ trưởng chuyên môn Tổ trưởng Văn phòng	Văn phòng
35	[H1-1-04-05]	Hồ sơ hoạt động của Ban Chỉ đạo bồi dưỡng thường xuyên	Năm 2014, 2015	Trưởng Ban chỉ đạo Bồi dưỡng thường xuyên	Văn phòng
36	[H1-1-05-01]	Kế hoạch chiến lược phát triển trường Trung học phổ thông Bình Hưng Hoà giai đoạn 2011 – 2015 và 2016 - 2020	Năm 2013, 2016	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
37	[H1-1-05-02]	www.thptbinhhunghoa.hcm.edu.vn	Năm 2015	Hiệu trưởng	Nhân viên quản trị website.
38	[H1-1-05-03]	Khẩu hiệu tại sân trường (ảnh)	Năm 2015	Trần Đình Lộc	Câu lạc bộ nhiếp ảnh

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Năm ban hành	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
39	[H1-1-05-04]	Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp	Năm 2015	Thành ủy, Quận ủy Bình Tân	Bí thư chi bộ
40	[H1-1-05-05]	Nghị quyết 29/NQ-TW ngày 4/11/2013 của Hội nghị lần Thứ VIII Ban chấp hành Trung ương khóa XI	Năm 2014	Ban chấp hành Trung ương Khóa XI	Hiệu trưởng
41	[H1-1-05-06]	Chương trình hành động thực hiện Chiến lược phát triển nhà trường 2013, 2016	Năm 2013, 2016	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
42	[H1-1-06-01]	Báo cáo của Chi bộ gửi các ban đảng	Năm 2011 đến 2016	Chi ủy	Văn thư chi bộ
43	[H1-1-06-02]	Các báo cáo định kỳ, đột xuất về các hoạt động giáo dục với Sở Giáo dục và Đào tạo; Báo cáo tổng kết năm học hằng năm của nhà trường	Năm 2011 đến 2016	Văn thư	Văn thư
44	[H1-1-06-03]	Sổ theo dõi công văn đi, công văn đến của nhà trường	Năm 2011 đến 2016	Văn thư	Văn thư
45	[H1-1-06-04]	Quy chế thực hiện dân chủ trong nhà trường	Năm 2014, 2015, 2016	Hiệu trưởng	Văn phòng
46	[H1-1-06-05]	Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân	Năm 2012 đến 2016	Trưởng ban Thanh tra nhân dân	Phòng Công đoàn
47	[H1-1-06-06]	Thông báo kết quả kiểm tra của Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở Quận Bình Tân	Năm 2015 - 2016	Ban chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở Quận Bình Tân	Bí thư chi bộ

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Năm ban hành	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
48	[H1-1-07-01]	Hồ sơ, sổ sách học vụ	Năm 2011 đến 2016	Phòng học vụ, giáo vụ	Phòng học vụ
49	[H1-1-07-02]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ của ban kiểm tra nội bộ nhà trường.	Năm 2011 đến 2016	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng chuyên môn
50	[H1-1-07-03]	Hồ sơ công tác văn thư – lưu trữ	Năm 2011 đến 2016	Văn thư	Văn thư
51	[H1-1-07-04]	Hồ sơ quản lý tài sản, thiết bị.	Năm 2011 đến 2016	Phó hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất, Tổ trưởng văn phòng	Phó hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất, Tổ trưởng văn phòng
52	[H1-1-07-05]	Hồ sơ quản lý tài chính	Năm 2011 đến 2016	Kế toán	Phòng tài vụ
53	[H1-1-07-06]	Hồ sơ quản lý, hoạt động thư viện	Năm 2011 đến 2016	Nhân viên thư viện	Thư viện
54	[H1-1-07-07]	Hồ sơ theo dõi sức khỏe học sinh, giáo viên và nhân viên	Năm 2011 đến 2016	Nhân viên y tế	Phòng y tế
55	[H1-1-07-08]	Các loại hồ sơ giáo viên (theo Điều lệ trường trung học phổ thông)	Năm 2014, 2015	Giáo viên	Phó hiệu trưởng
56	[H1-1-07-09]	Kế hoạch thi đua của trường hằng năm	Năm 2013, 2014, 2015, 2016	Chủ tịch Hội đồng thi đua	Hiệu trưởng
57	[H1-1-07-10]	Hình ảnh về các khẩu hiệu hành động, các nội dung rèn luyện, quy tắc ứng xử...			Thực tế trong khuôn viên trường
58	[H1-1-07-11]	Văn bản phát động thi đua hằng năm	Năm 2013, 2014, 2015, 2016	Chủ tịch công đoàn	Chủ tịch công đoàn

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Năm ban hành	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
59	[H1-1-08-01]	Kế hoạch năm học, kế hoạch chuyên môn, thời khóa biểu.	Năm 2011 đến 2016	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
60	[H1-1-08-02]	Hồ sơ hoạt động của Ban Hoạt động ngoài giờ lên lớp – Hướng nghiệp – Nghề	Năm 2014, 2015	Phó hiệu trưởng phụ trách các hoạt động giáo dục	Phó hiệu trưởng phụ trách các hoạt động giáo dục
61	[H1-1-08-03]	Nội dung, Biên bản sinh hoạt dưới cờ đầu tuần	Năm 2011 đến 2016	Hiệu trưởng	Trợ lý thanh niên
62	[H1-1-08-04]	Nội quy học sinh và Hướng dẫn thực hiện	Năm 2010 đến 2015	Phó hiệu trưởng phụ trách quản lý học sinh	Phó hiệu trưởng phụ trách quản lý học sinh
63	[H1-1-08-05]	Hồ sơ quản lý học sinh của giám thị	Năm 2010 đến 2015	Tổ giám thị	Phòng giám thị
64	[H1-1-08-06]	Hồ sơ hoạt động của các câu lạc bộ, đội, nhóm	Năm 2016	Phó hiệu trưởng phụ trách các hoạt động giáo dục	Phó hiệu trưởng phụ trách các hoạt động giáo dục
65	[H1-1-08-07]	Hồ sơ pháp lý về dạy thêm - học thêm	Năm 2014, 2015, 2016	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
66	[H1-1-08-08]	Hồ sơ tuyển dụng giáo viên, Dự nguồn, bổ nhiệm cán bộ quản lý.	Năm 2011 đến 2015	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
67	[H1-1-09-01]	Các văn bản hiện hành của nhà nước về quản lý tài chính, tài sản liên quan đến hoạt động tài chính	Năm 2011 đến 2016	Hiệu trưởng, Kế toán	Phòng tài vụ

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Năm ban hành	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
68	[H1-1-09-02]	Dự toán, quyết toán tài chính hằng năm	Năm 2011 đến 2016	Hiệu trưởng, Kế toán	Phòng tài vụ
69	[H1-1-09-03]	Quy định, Quy chế quản lý, sử dụng tài sản	Năm 2011, 2015	Hiệu trưởng	Phòng tài vụ
70	[H1-1-09-04]	Hồ sơ quản lý tài sản	Năm 2011 đến 2016	Phó hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất	Phó hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất
71	[H1-1-09-05]	Hồ sơ công khai tài chính hằng năm	Năm 2014, 2015	Hiệu trưởng, Kế toán	Phòng tài vụ
72	[H1-1-09-06]	Hồ sơ Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hằng năm	Năm 2011 đến 2016	Hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn	Hiệu trưởng
73	[H1-1-09-07]	Báo cáo của Ban thanh tra nhân dân có nội dung giám sát công khai tài chính	Năm 2014, 2015	Ban Thanh tra nhân dân	Phòng Công đoàn
74	[H1-1-09-08]	Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm	Năm 2012 đến 2016	Hiệu trưởng	Phòng tài vụ
75	[H1-1-10-01]	Phương án phòng cháy chữa cháy và cứu hộ thoát nạn;	Năm 2012, 2015	Phó hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất	Phó hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất
76	[H1-1-10-02]	Kế hoạch diễn tập Phương án phòng cháy chữa cháy và cứu hộ thoát nạn	Từ năm 2013 đến 2016	Phó hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất	Phó hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất
77	[H1-1-10-03]	Biên bản tự kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy của trường; Biên bản kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy của cảnh sát phòng cháy chữa cháy Quận Bình Tân	Từ năm 2013 đến 2016	Nhóm trưởng bảo vệ, Phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy quận Bình Tân	Phó hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Năm ban hành	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
78	[H1-1-10-04]	Quy chế phối hợp đảm bảo an ninh trật tự tại trường học với Công an Phường Bình Hưng Hòa	Từ năm 2013 đến 2016	Công an Phường Bình Hưng Hòa	Phó hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất
79	[H1-1-10-05]	Hợp đồng với đội dân phòng khu phố 7 về việc giữ gìn an ninh trật tự trước cổng trường vào đầu và cuối mỗi buổi học.	Từ năm 2013 đến 2016	Phó hiệu trưởng 2	Phó hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất
80	[H1-1-10-06]	Hồ sơ, giấy chứng nhận tập huấn vệ sinh an toàn thực phẩm.	Năm 2014, 2015	Căn tin trường	Phòng y tế
81	[H1-1-10-07]	Kế hoạch tuyên truyền phòng chống dịch bệnh và các tệ nạn xã hội	Năm 2014, 2015	Phòng y tế	Phòng y tế
82	[H2-2-01-01]	Hồ sơ Hiệu trưởng, các Phó hiệu trưởng	Năm 2015, 2016	Tổ trưởng Văn phòng	Văn phòng
83	[H2-2-01-02]	Hồ sơ đánh giá cán bộ, giáo viên, nhân viên hằng năm.	Năm 2015, 2016	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng	Văn phòng
84	[H2-2-02-01]	Hồ sơ PMIS, ePMIS	Năm 2011 đến 2016	Tổ trưởng Văn phòng	Văn phòng
85	[H2-2-02-02]	Hồ sơ công tác tổ chức - nhân sự	Năm 2011, 2016	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng chuyên môn
86	[H2-2-02-03]	Tập quyết định nội bộ (phân công nhiệm vụ, kiêm nhiệm cho giáo viên, nhân viên)	Năm 2011 đến 2016	Hiệu trưởng	Văn phòng
87	[H2-2-03-01]	Quyết định khen thưởng giáo viên đạt “Giáo viên dạy giỏi” cấp thành phố	Năm 2014	Hiệu trưởng	Văn phòng

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Năm ban hành	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
88	[H2-2-03-02]	Quy chế và Danh sách giáo viên đạt danh hiệu “Giáo viên dạy giỏi” cấp trường.	Năm 2014, 2015, 2016	Hiệu trưởng	Văn phòng
89	[H2-2-03-03]	Thông báo kết quả thi đua, Quyết định công nhận và danh sách Chiến sĩ thi đua cơ sở, Chiến sĩ thi đua thành phố.	Năm 2012 đến 2016	Ủy Ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giáo dục và Đào tạo	Văn Phòng
90	[H2-2-03-04]	Hồ sơ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giáo viên, nhân viên.	Năm 2013 đến 2016	Hiệu trưởng	Văn phòng
91	[H2-2-03-05]	Hồ sơ tổ chức tham quan, nghỉ dưỡng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.	Năm 2011 đến 2016	Hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn	Chủ tịch công đoàn
92	[H2-2-04-01]	Hồ sơ nhân viên	Năm 2011 đến 2015	Hiệu trưởng	Văn phòng
93	[H2-2-04-02]	Hợp đồng lao động của nhân viên	Từ năm 2011 đến 2015	Hiệu trưởng	Văn phòng
94	[H2-2-05-01]	Hồ sơ hoạt động của Hội khuyến học	Năm 2014 đến 2016	Chủ tịch Hội khuyến học	Hội khuyến học
95	[H2-2-05-02]	Danh sách học sinh được miễn, giảm học phí hằng năm.	Từ 2011 đến 2016	Hiệu trưởng	Tài vụ
96	[H2-2-05-03]	Biên bản đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường và đại diện học sinh hằng năm.	Từ 2012 đến 2016	Trợ lý thanh niên	Đoàn trường
97	[H3-3-01-01]	Sơ đồ mặt bằng tổng thể của nhà trường	Năm 2015	Tổ trưởng Văn phòng	Văn phòng

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Năm ban hành	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
98	[H3-3-01-02]	Clip toàn cảnh của trường.	Năm 2016	Phó hiệu trưởng	Văn phòng
99	[H3-3-02-01]	Sơ đồ các phòng học của nhà trường	Năm 2015	Tổ trưởng Văn phòng	Văn phòng
100	[H3-3-02-02]	Ảnh chụp các phòng học và phòng thí nghiệm, thực hành, phòng bộ môn.	Năm 2016	Tổ trưởng Văn phòng	Văn phòng
101	[H3-3-02-03]	Thông tư Liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT, ngày 16/06/2011	Năm 2011	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế.	Phó hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất
102	[H3-3-03-01]	Ảnh chụp phòng y tế	Năm 2015	Tổ trưởng Văn phòng	Văn phòng
103	[H3-3-03-02]	Hồ sơ thuốc y tế và thiết bị sơ cấp cứu	Năm 2011 đến 2016	Phòng y tế	Phòng y tế
104	[H3-3-03-03]	Hồ sơ quản lý thiết bị tin học	Năm 2011 đến 2016	Nhân viên tin học	Nhân viên tin học
105	[H3-3-04-01]	Biên bản nghiệm thu công tác gắn mới đồng hồ nước và Hợp đồng nước tinh khiết ionlife	Năm 2015	Kế toán	Phòng tài vụ
106	[H3-3-04-02]	Hợp đồng thu gom rác thải; trừ muối, trừ mối định kì.	Năm 2014, 2015	Tổ trưởng Văn phòng	Văn phòng
107	[H3-3-05-01]	Quyết định công nhận thư viện đạt tiêu chuẩn thư viện của trường phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	Năm 2015, 2016	Thư viện	Thư viện
108	[H3-3-05-02]	Danh mục sách, báo và tài liệu tham khảo được bổ sung hằng năm.	Năm 2014, 2015	Thư viện	Thư viện

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Năm ban hành	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
109	[H3-3-05-03]	Kế hoạch, nội dung giới thiệu sách	Năm 2014, 2015, 2016	Thư viện	Thư viện, Tổ Ngữ văn, Ban phát thanh
110	[H3-3-05-04]	Kế hoạch hoạt động chào mừng 20/11 của Đoàn trường	Năm 2015, 2016	Bí thư đoàn trường	Văn phòng đoàn
111	[H3-3-05-05]	Kế hoạch hoạt động của Câu lạc bộ Văn học, Câu lạc bộ Ngoại ngữ.	Năm 2015, 2016	Thư viện	Thư viện, Tổ Ngữ văn, tổ Ngoại ngữ
112	[H3-3-06-01]	Hồ sơ theo dõi sử dụng thiết bị và đồ dùng dạy học hằng năm	Năm 2012 đến 2016	Nhân viên thiết bị	Phòng thiết bị
113	[H4-4-01-01]	Hồ sơ Đại hội đại biểu cha mẹ học sinh trường hằng năm,	Năm 2012 đến 2016	Hiệu trưởng, Ban đại diện cha mẹ học sinh	Văn phòng
114	[H4-4-01-02]	Chương trình công tác của Ban đại diện cha mẹ học sinh	Năm 2012 đến 2016	Hiệu trưởng, Ban đại diện cha mẹ học sinh	Văn phòng
115	[H4-4-01-03]	Biên bản các cuộc họp cha mẹ học sinh, lớp và trường hằng năm	Năm 2012 đến 2016	Ban đại diện Cha mẹ học sinh	Văn phòng
116	[H4-4-02-01]	Biên bản tài trợ của cá nhân và các tổ chức hằng năm.	Năm 2014, 2015, 2016	Hiệu trưởng, Kế toán	Phòng tài vụ
117	[H4-4-02-02]	Hồ sơ của Ban liên lạc cựu học sinh.	Năm 2015, 2016	Đoàn thanh niên	Văn phòng Đoàn
118	[H4-4-03-01]	Kế hoạch hoạt động Đoàn thanh niên	Năm 2012 đến 2016	Đoàn thanh niên	Văn phòng Đoàn

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Năm ban hành	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
119	[H4-4-03-02]	Kế hoạch phối hợp tổ chức tuyên truyền giáo dục truyền thống cách mạng.	Năm 2014, 2015,	Đoàn thanh niên	Văn phòng Đoàn
120	[H5-5-01-01]	Kế hoạch giảng dạy Học sinh giỏi	Năm 2013 đến 2015	Phó hiệu trưởng chuyên môn, Tổ trưởng	Phó hiệu trưởng
121	[H5-5-01-02]	Kế hoạch phụ đạo Học sinh yếu, kém	Năm 2013 đến 2015	Phó hiệu trưởng chuyên môn, Tổ trưởng	Phó hiệu trưởng
122	[H5-5-01-03]	Báo cáo Sơ kết học kỳ I, Báo cáo Tổng kết năm học.	Từ năm 2012 đến 2016	Phó hiệu trưởng chuyên môn, Tổ trưởng	Phó hiệu trưởng chuyên môn
123	[H5-5-01-04]	Biên bản Hội đồng chuyên môn	Từ năm 2013 đến 2016	Thư ký Hội đồng	Thư ký Hội đồng
124	[H5-5-02-01]	Quyết định 1623/QĐ-GDDT-TC về công nhận Trường Trung học phổ thông tổ chức dạy học 02 buổi/ngày.	Ngày 26 tháng 8 năm 2016	Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo	Hiệu trưởng
125	[H5-5-02-02]	Giáo án có sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, mới của một số bộ môn.	Năm 2015, 2016	Phó hiệu trưởng chuyên môn, Tổ trưởng	Phó hiệu trưởng chuyên môn
126	[H5-5-02-03]	Đề cương giảng dạy các bộ môn	Năm 2014, 2015, 2016	Tổ trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng chuyên môn,
127	[H5-5-02-04]	Kế hoạch kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ (của Học kỳ I&II)	Từ năm 2013 –2014 đến 2015 - 2016	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng chuyên môn
128	[H5-5-02-05]	Phiếu điểm đánh giá của các câu lạc	Năm 2015 – 2016	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Năm ban hành	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
		bộ/đội/nhóm.	và 2016 – 2017	chuyên môn	chuyên môn
129	[H5-5-02-06]	Hệ thống đề kiểm tra	Năm 2014, 2015	Phó hiệu trưởng chuyên môn, Tổ trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng chuyên môn, Tổ trưởng chuyên môn
130	[H5-5-03-01]	Quyết định V/v kiện toàn nhân sự Ban Chỉ đạo phổ cập giáo dục bậc Trung học Quận Bình Tân.	Năm 2012	Ủy ban Nhân dân Quận Bình Tân	Hiệu trưởng
131	[H5-5-03-02]	Hồ sơ theo dõi phổ cập giáo dục	Năm 2013 đến 2015	Nhân viên phụ trách công tác phổ cập	Văn phòng
132	[H5-5-04-01]	Hồ sơ khảo sát học sinh lớp 10	Năm 2015, 2016	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng chuyên môn
133	[H5-5-04-02]	Phiếu giảng dạy phụ đạo học sinh yếu, kém	Năm 2014, 2015, 2016	Phó hiệu trưởng chuyên môn	Phó hiệu trưởng chuyên môn
134	[H5-5-04-03]	Phiếu giảng dạy học sinh giỏi			
135	[H5-5-05-01]	Sổ đầu bài	Năm 2011 đến 2016	Các giáo viên	Văn phòng – học vụ
136	[H5-5-05-02]	Tài liệu, bài soạn về nội dung giáo dục địa phương từng môn học.	Năm 2014, 2015	Tổ trưởng chuyên môn	Tổ trưởng chuyên môn
137	[H5-5-05-03]	Kế hoạch ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm của Trợ lý thanh niên và các tổ bộ môn liên quan.	Năm 2014 đến 2016	Trợ lý thanh niên Tổ trưởng chuyên môn	Văn phòng Đoàn

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Năm ban hành	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
138	[H5-5-06-01]	Kế hoạch tổ chức hoạt động chào mừng ngày 20/11 hằng năm	Năm 2012 đến 2016	Trợ lý thanh niên	Văn phòng Đoàn
139	[H5-5-06-02]	Kế hoạch tổ chức chương trình văn nghệ “Kết nối yêu thương”	Năm 2016	Đoàn thanh niên và ban liên lạc cựu học sinh	Văn phòng Đoàn
140	[H5-5-06-03]	Kế hoạch tổ chức hội thi “Tuyên truyền các ca khúc cách mạng”	Năm 2015, 2016	Chi đoàn giáo viên	Chi đoàn giáo viên
141	[H5-5-06-04]	Kế hoạch hoạt động các câu lạc bộ văn nghệ, thể dục – thể thao	Năm 2015, 2016	Ban chủ nhiệm các câu lạc bộ	Phó hiệu trưởng phụ trách các hoạt động giáo dục.
142	[H5-5-06-05]	Kế hoạch tham gia Hội khỏe Phù Đổng, Hội thao cấp quận, Ngành, Thành phố.	Năm 2013 đến 2015	Tổ Giáo dục thể chất, Đoàn thanh niên	Phó hiệu trưởng phụ trách các hoạt động giáo dục.
143	[H5-5-07-01]	Kế hoạch triển khai, hồ sơ theo dõi thực hiện Quy tắc ứng xử trong nhà trường.	Năm 2014, 2015	Hiệu trưởng, Công đoàn, Ban hoạt động ngoài giờ lên lớp.	Phòng công đoàn, Văn phòng Đoàn
144	[H5-5-07-02]	Hồ sơ hoạt động của nhân viên pháp chế và Câu lạc bộ Pháp luật	Năm 2015, 2016	Nhân viên pháp chế	Nhân viên pháp chế
145	[H5-5-07-03]	Kế hoạch dạy bơi cho học sinh hằng năm	Năm 2013 đến 2016	Tổ trưởng Thể dục – Quốc phòng an ninh	Tổ trưởng Thể dục – Quốc phòng an ninh
146	[H5-5-07-04]	Hồ sơ hoạt động của phòng tư vấn	Năm 2011 đến 2016	Cán bộ tư vấn học đường	Phòng tư vấn

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Năm ban hành	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
147	[H5-5-07-05]	Hồ sơ hoạt động của Ban giáo dục sức khỏe - an toàn trường học.	Năm 2013 đến 2016	Ban giáo dục sức khỏe - an toàn trường học.	Ban giáo dục sức khỏe - an toàn trường học.
148	[H5-5-08-01]	Lịch phân công trực vệ sinh môi trường	Năm 2015 đến 2016	Phòng giám thị	Phòng giám thị
149	[H5-5-08-02]	Hồ sơ hoạt động của Đội Chim cánh cụt	Năm 2015, 2016	Giáo viên phụ trách Đội Chim cánh cụt	Giáo viên phụ trách Đội Chim cánh cụt
150	[H5-5-08-03]	Kế hoạch hoạt động Câu lạc bộ Sinh học	Năm 2015, 2016	Câu lạc bộ Sinh học	Tổ chuyên môn Sinh
151	[H5-5-08-04]	Kế hoạch vệ sinh môi trường (thu gom rác thải, dọn lòng lề đường) của Đội công tác xã hội và của Đoàn thanh niên	Năm 2014, 2015, 2016	Chi đoàn giáo viên, Đoàn thanh niên	Văn phòng Đoàn
152	[H5-5-09-01]	Thống kê kết quả xếp loại học lực của học sinh hằng năm	Năm 2011 đến 2016	Phòng học vụ, giáo vụ	Phòng học vụ
153	[H5-5-09-02]	Các báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo có nội dung thống kê kết quả xếp loại học lực, hạnh kiểm của học sinh.	Năm 2011 đến 2016	Sở Giáo dục và Đào tạo	Phòng học vụ
154	[H5-5-10-01]	Thống kê kết quả xếp loại hạnh kiểm của học sinh	Năm 2011 đến 2016	Phòng học vụ, giáo vụ	Phòng học vụ
155	[H5-5-11-01]	Kế hoạch dạy các môn nghề phổ thông	Năm 2013 đến 2016	Tổ trưởng tổ Tin – Công nghệ	Phó hiệu trưởng phụ trách các hoạt động giáo dục.

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Năm ban hành	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu trữ
156	[H5-5-11-02]	Danh sách, thống kê kết quả xếp loại môn nghề phổ thông	Năm 2013 đến 2016	Phòng học vụ, giáo vụ	Phòng học vụ
157	[H5-5-12-01]	Thống kê kết quả tốt nghiệp hằng năm	Năm học 2013-2014 đến năm học 2015 - 2016	Phòng học vụ, giáo vụ	Phòng học vụ
158	[H5-5-12-02]	Hồ sơ theo dõi kết quả kiểm tra, đánh giá học sinh hằng năm; thống kê kết quả kỳ thi học sinh giỏi các cấp hằng năm.	Năm học 2013-2014 đến năm học 2015 - 2016	Phòng học vụ, giáo vụ	Phòng học vụ